

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

CAO THỊ THU TRANG

**TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : *Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm*

Mã số : *60.38.01.05*

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. PHẠM VĂN TỈNH

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn thạc sĩ Luật học “Tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đều được ghi rõ nguồn gốc.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận văn

Cao Thị Thu Trang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM	6
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay	6
1.2. Những yếu tố tác động đến tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay.....	16
1.3. Mối quan hệ giữa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em với nhân thân người phạm tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay.....	22
Chương 2: THỰC TIỄN TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016	25
2.1. Tổng quan về thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam	25
2.2. Phần hiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016.....	29
2.3. Phần ẩn của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016.....	50
2.4. Dự báo tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam trong thời gian tới ...	52
Chương 3: THỰC TIỄN TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM	57
3.1. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay và việc hoàn thiện pháp luật	59
3.2. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay và việc hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội xâm phạm tình dục trẻ em	66
3.3. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay và việc hoàn thiện tổ chức phòng ngừa tình hình tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em.....	73
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
BLHS	: Bộ luật hình sự
THTP	: Tình hình tội phạm
TGĐVNCTN	: Tòa gia đình và người chưa thành niên
XPTDTE	: Xâm phạm tình dục trẻ em
XPTD	: Xâm phạm tình dục

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Mức độ tổng quan tuyệt đối (mức độ cơ bản) của tình hình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2012-2016	30
Bảng 2.2: Mức độ tổng quan tuyệt đối (mức độ cơ bản) của tình hình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2012-2016	30
Bảng 2.3: Số vụ, bị cáo của các tội XPTDTE so sánh với nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người trên phạm vi cả nước	31
Bảng 2.4: Số vụ, bị cáo của các tội XPTDTE so sánh với các tội XPTD chung trên phạm vi cả nước	32
Bảng 2.5. Cơ sở về mức độ của tình hình XPTDTE trên cơ sở tổng dân số cả nước từ 2012-2016	33
Bảng 2.6. Tỷ lệ giữa số bị cáo và số vụ phạm tội XPTDTE đã bị xét xử từ năm 2012 đến năm 2016	34
Bảng 2.7: Diễn biến tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016	35
Bảng 2.8. Diễn biến các tội phạm cụ thể của nhóm các tội XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016	36
Bảng 2.9. Cơ cấu THPT XPTDTE theo tội danh ở Việt Nam từ 2012 đến 2016.....	37
Bảng 2.10. Cơ cấu THPT XPTDTE ở Việt Nam theo phương thức, thủ đoạn gây án từ năm 2012-2016	38
Bảng 2.11. Cơ cấu tình hình tội XPTDTE theo vùng miền ở Việt Nam từ 2012 đến 2016	40
Bảng 2.12. Cơ sở về mức độ của THPT XPTDTE trên cơ sở số dân theo từng vùng miền ở Việt Nam trong 5 năm	41
Bảng 2.13. Cơ cấu về hình phạt của những người phạm tội xâm phạm tính dục đã qua xét xử ở Việt Nam từ 2012 đến 2016	42
Bảng 2.14: Cơ cấu theo độ tuổi người phạm tội của THPT XPTDTE ở Việt Nam.....	43

Bảng 2.15. Thống kê trình độ văn hóa của người phạm tội XPTDTE ở Việt Nam từ 2012-2016.....	44
Bảng 2.16: Cơ cấu THTP XPTDTE xét theo nghề nghiệp của người phạm tội.....	45
Bảng 2.17. Cơ cấu THTP XPTDTE xét theo đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm.....	45
Bảng 2.18: Cơ cấu THTP XPTDTE xét theo dân tộc của bị cáo	46
Bảng 2.19. Thống kê độ tuổi của nạn nhân trong các vụ án XPTDTE ở Việt Nam thời gian qua.....	47
Bảng 2.20. Thống kê theo quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội trong các vụ án XPTDTE ở Việt Nam thời gian qua	47
Bảng 2.21. Tỷ lệ tội phạm ần của THTP XPTDTE ở Việt Nam từ 2014-2016	50

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, XPTDTE trở thành một trong những vấn nạn đối với trẻ em toàn cầu. Tại Hội nghị cấp cao lần thứ 3 hợp tác Nam - Nam về thúc đẩy thực hiện quyền trẻ em khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có sự tham dự của lãnh đạo cấp cao đến từ 26 quốc gia thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tổ chức năm 2016 tại Ma-lay-si-a đã chọn vấn đề: “Phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em” là một trong ba vấn đề chính của Hội nghị. Trên phạm vi toàn thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, rất nhiều trẻ em, đặc biệt là các trẻ em gái đã và đang trở thành đối tượng bị xâm hại tình dục.

Tại Việt Nam, trong những năm qua, thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện các mặt đời sống xã hội, chúng ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân, phát triển văn hóa, hạn chế các tiêu cực xã hội... Tuy nhiên, cùng với những thành tựu đó, THTP gia tăng, ngày càng phức tạp và sự báo động về suy thoái đạo đức, lệch lạc lối sống và việc xuất hiện tràn lan của các văn hóa phẩm đồi trụy. Tình trạng trẻ em bị ngược đãi, xâm hại, nhất là bị xâm phạm tình dục ở Việt Nam nói chung đã trở nên đáng báo động. Các tội phạm XPTDTE bao gồm: *hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em, dâm ô đối với trẻ em* vẫn diễn ra nhiều, gây ra hậu quả rất nghiêm trọng cho tính mạng, sức khỏe của nạn nhân, làm băng hoại đạo đức xã hội và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nếp sống văn minh xã hội. Dư luận xã hội đang đòi hỏi Nhà nước có những biện pháp hữu hiệu để đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này.

Tội phạm XPTDTE là một loại tội ác chống lại con người bởi nó xâm phạm nghiêm trọng tới quyền con người, trong đó cơ bản nhất là quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, sức khỏe con người... Hậu quả đối với các nạn nhân nói riêng, đối với xã hội nói chung là rất nặng nề, phải chịu tổn thương về tâm sinh lý, bị tổn hại tới sức khỏe và thậm chí cả tính mạng. Nạn XPTDTE cũng đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội; đến văn hóa, đạo đức, truyền thống dân tộc và sự ổn định của tình hình an ninh trật tự xã hội... Do đó, việc nghiên cứu các tội xâm phạm tình dục trẻ em

ở Việt Nam hiện nay để đưa ra được giải pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm XPTDTE là nhiệm vụ vừa có tính cấp bách vừa có tính chiến lược lâu dài.

Việt Nam hiện nay là một đất nước đông dân với khoảng trên 90 triệu người, với nền văn hóa làng xã truyền thống kết hợp với việc giao lưu văn hóa xã hội hiện đại của thế giới, cùng với mặt trái của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên tình hình tội XPTDTE diễn ra phức tạp. Tuy nhiên, trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm XPTDTE đã đạt được kết quả đáng kể, cái thể hiện tập trung nhất ở con số từ 65.974 vụ với 117.866 bị cáo phải xét xử hình sự sơ thẩm năm 2012 xuống còn 61.907 vụ với 104.141 bị cáo phải xét xử hình sự sơ thẩm năm 2016. Sự phức tạp đây bí ẩn trong những con số này và các mối liên hệ ngang, dọc chằng chịt với các quá trình và hiện tượng kinh tế - xã hội khác ở nước ta hiện nay cần được giải mã. Nói cách khác, THTP XPTDTE ở Việt Nam hiện nay cần được nghiên cứu công phu bằng một đề tài thiết thực để góp phần thực hiện Chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm mà Chính phủ ban hành từ nhiều năm nay. Và trong tình hình hiện nay ở nước ta, khi mà tội phạm học, một khoa học về phòng ngừa tội phạm đã và đang phát triển, cung cấp cơ sở lý luận cho việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm, thì việc nghiên cứu về THTP XPTDTE ở nước ta dưới góc độ tội phạm học là rất cần thiết.

Với cách nhìn nhận như vậy, đề tài *"Tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay"* đã được lựa chọn để nghiên cứu và thực hiện dưới dạng một luận văn thạc sỹ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào về tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, để thực hiện đề tài, tác giả luận văn có thể tham khảo và kế thừa một số công trình thông tin về tội phạm học và những công trình nghiên cứu tội phạm học của một số tác giả. Trong số đó và trước hết phải nói đến những công trình của các tác giả tên tuổi như Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Nguyễn Mạnh Kháng, Phạm Hồng Hải, Phạm Văn Tĩnh trong cuốn *"Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam"*, Nxb Chính trị quốc

gia, H 1994. Đây là cuốn sách đầu tiên đặt nền móng cho sự nhận thức biện chứng về các vấn đề cơ bản của tội phạm học, trong đó có THPT.

Bên cạnh đó, có một số công trình về THPT chung có thể tham khảo, kể đến như:

- Đặc điểm tội phạm học của THPT ở nước ta hiện nay, Phạm Văn Tinh, 2004;
- Một số vấn đề lý luận về THPT ở Việt Nam, Phạm Văn Tinh, Nxb. Tư pháp, 2007;
- Một số vấn đề về THPT ẩn ở Việt Nam, Trần Hữu Tráng, Tạp chí Luật học, số 3, 2000.

- Ngoài ra, những giáo trình như: Giáo trình Tội phạm học của Trung tâm đào tạo từ xa Đại học Huế (1999) tác giả Võ Khánh Vinh; Giáo trình Tội phạm học của Học viện Cảnh sát nhân dân (2002), Đại học Luật Hà Nội (2007); sách chuyên khảo Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm (Nguyễn Xuân Yêm, 2001), đều là nguồn tài liệu có giá trị cho đề tài tham khảo và kế thừa.

Đồng thời, tác giả luận văn có tham khảo một số đề tài luận văn để coi đó là kinh nghiệm học tập và viết luận văn này như:

- Lê Thị Thanh Huyền (2013), Các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Quảng Nam: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa; Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.

- Diệp Huyền Thảo (2012), Các tội xâm phạm tình dục đối với trẻ em trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa; Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.

- Đỗ Tiến Dũng (2012), Các tội xâm phạm tình dục đối với trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa; Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- *Mục đích của việc nghiên cứu:* trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng về THPT XPTDTE ở Việt Nam trong những năm qua, từ đó đề xuất các giải pháp phòng ngừa có hiệu quả tình hình các tội này ở nước ta trong thời gian tới.

- *Nhiệm vụ nghiên cứu:* Xuất phát từ mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu được đặt ra là:

+ Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về THTP XPTDTE theo pháp luật Việt Nam

+ Phân tích, đánh giá tình hình các tội phạm XPTDTE ở nước ta từ năm 2012 đến 2016

+ Dự báo về THTP XPTDTE ở Việt Nam trong thời gian tới

+ Đề xuất các giải pháp phòng ngừa THTP XPTDTE ở Việt Nam thời gian tới

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn lấy các quan điểm khoa học của khoa học luật hình sự và tội phạm học, các quy định của pháp luật hình sự, thực tiễn phòng, chống các tội XPTDTE của các cơ quan chức năng, đặc biệt là kết quả hoạt động xét xử của các Tòa án nhân dân đối với các tội phạm này để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài luận văn được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học và có sử dụng ở mức độ nhất định kiến thức của khoa học luật hình sự khi phân tích khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội XPTDTE theo pháp luật hình sự Việt Nam. Các số liệu trình bày trong luận văn được thu thập từ kết quả xét xử hình sự sơ thẩm của các Tòa án nhân dân địa phương trong thời gian 2012-2016, số liệu của Tổng cục Thống kê công bố trong Niên giám thống kê hàng năm.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận*: Cơ sở phương pháp luận của luận văn là phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mac- Lenin; Các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tội phạm và hình phạt, về phòng, chống tội phạm.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

+ Phương pháp nghiên cứu tài liệu;

+ Phương pháp thống kê;

+ Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp

+ Phương pháp trao đổi, tòa đàm.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Kết quả nghiên cứu sẽ làm sáng tỏ thêm cơ sở lý luận về phòng ngừa tội phạm XPTDTE; xác định những vấn đề có tính quy luật trong đặc điểm của tội phạm XPTDTE, những sơ hở thiếu sót trong công tác quản lý xã hội ở Việt Nam.

- Luận văn là công trình khoa học khảo sát một cách toàn diện và sâu sắc thực trạng trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2009 đến năm 2013. Phân tích tìm ra nguyên nhân và điều kiện của tội phạm XPTDTE ở Việt Nam hiện nay cũng như những kết quả đạt được và những nguyên nhân những hạn chế, thiếu sót của hoạt động trên.

- Dự báo một cách khoa học THTP XPTDTE ở Việt Nam trong thời gian tới, từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này của các cơ quan chức năng trong thời gian tới.

- *Ý nghĩa khoa học*: Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận khoa học về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm tình dục nói riêng.

- *Ý nghĩa thực tiễn*: Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được nghiên cứu, sử dụng trong thực tiễn chỉ đạo và tiến hành hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm XPTDTE ở Việt Nam, đặc biệt là trong hoạt động của các cơ quan đấu tranh phòng chống tội phạm (Công an, Viện kiểm sát, Tòa án).

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn được cấu trúc thành 3 chương, cụ thể là:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

Chương 2. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam và vấn đề đặt ra đối với công tác phòng ngừa tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay

1.1.1. Khái niệm tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

a) Khái niệm trẻ em

Để đánh giá được tình hình các tội XPTDTE, cần hiểu rõ bản chất, các dấu hiệu pháp lý của tội XPTDTE theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay. Trước hết cần phân tích rõ khái niệm "trẻ em". Sự phát triển của con người trong thế giới khách quan cũng nằm trong quy luật chung về sự phát triển. Con người phát triển hoàn thiện cả về sinh học lẫn nhận thức đều trải qua một khoảng thời gian nhất định. Vì thế sẽ chia ra nhóm người đã trưởng thành (tức là đã hoàn thiện cả về sinh học lẫn nhận thức) và nhóm người chưa trưởng thành (tức là chưa hoàn thiện cả về sinh học lẫn nhận thức).

Theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em có hiệu lực từ ngày 02/9/1990 đã chỉ rõ: "Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp quốc gia áp dụng đối với trẻ em đó có quy định tuổi thành niên sớm hơn". Như vậy, trẻ em theo quy định chung của Công ước là những người dưới 18 tuổi. Các quốc gia thành viên, trong đó có Việt nam đã phê chuẩn tham gia Công ước. Tuy nhiên hiện nay, trong các quy định của pháp luật Việt Nam, dưới góc độ luật học, việc xác định trẻ em căn cứ vào độ tuổi còn chưa có sự thống nhất. Cụ thể, tại Điều 1 Luật Trẻ em có quy định: "Trẻ em là người dưới 16 tuổi" [15, Điều 1]. Đây là văn bản quy phạm pháp luật duy nhất quy định chính xác khái niệm về trẻ em. Ngoài ra, theo Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Người thành niên là người đủ mười tám tuổi" [14, Điều 20] và "Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi" [14, Điều 21]; Luật Lao động 2012 lại quy định: "Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên..." [13, Điều 3] và "Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi" [13, Điều 161]; tại Chương X, BLHS 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009

quy định trẻ em với tư cách là nạn nhân bị xâm hại là những người dưới 16 tuổi và người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi [12, Điều 68].

Có thể thấy, các quan điểm trên đây đều đề cập khái niệm trẻ em dựa vào những đặc điểm về tâm sinh lý hoặc dựa vào căn cứ đặc thù của từng ngành nghiên cứu nhưng chưa thống nhất được căn cứ chung để xác định thế nào là trẻ em. Tuy nhiên, độ tuổi “*Trẻ em là người dưới 16 tuổi*” cũng là quan điểm được nhiều nhà nghiên cứu đồng tình nhất.

b) Khái niệm xâm phạm tình dục trẻ em

Trẻ em là đối tượng thuộc nhóm yếu thế trong xã hội và dễ bị xâm hại bởi các loại tội phạm khác nhau, trong đó có các tội phạm XPTD. Để đưa ra được khái niệm các tội XPTDTE thì ta cần hiểu thế nào là XPTDTE. Xét về mặt ngữ nghĩa theo từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học thì “xâm phạm là xâm hại đến khiến cho bị tổn hại” [35, tr.1054]; còn “tình dục là nhu cầu tự nhiên của con người về quan hệ tính giao” [35, tr.917].

Hiện nay, ở Việt Nam, XPTDTE cũng được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, tuy nhiên cũng chưa có một khái niệm thống nhất nào được đưa ra. Tại khoản 8, Điều 4 Luật Trẻ em có quy định: “*XPTDTE là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức*” [15, Điều 4]. Tại báo cáo “*Phân tích kết quả kết nối can thiệp các ca trẻ em bị xâm hại tình dục qua hoạt động của đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em*” năm 2008 của Trung tâm tư vấn và dịch vụ truyền thông – Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội định nghĩa: “*XPTDTE là hành vi có chủ ý làm hài lòng, thỏa mãn nhu cầu tình dục của một người đối với trẻ em, là sự tham gia của trẻ em vào một hành vi tình dục mà các em chưa hiểu biết đầy đủ, không thể đồng ý, vi phạm pháp luật và đạo lý xã hội. Hành vi này có thể bao gồm việc thuyết phục hoặc đe dọa trẻ tham gia vào bất kỳ hành vi tình dục phi pháp nào; sử dụng trẻ em mang tính bóc lột làm mại dâm hoặc các hoạt động tình dục phi pháp khác; sử dụng trẻ em trong các ấn phẩm khiêu dâm, hiếp dâm trẻ em*” [26, tr.3].

Dưới góc độ tội phạm quy định trong BLHS, nghiên cứu một số khái niệm tội phạm trong giáo trình của các cơ sở đào tạo và một số sách chuyên khảo, theo quan điểm người nghiên cứu, tội phạm phải thỏa mãn các đặc điểm:

- Thứ nhất, phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội – đó là những hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những khách thể được luật Hình sự bảo vệ.

- Thứ hai, tính có lỗi – theo đó, hành vi nguy hiểm cho xã hội chỉ được coi là tội phạm nếu chủ thể có lỗi khi thực hiện hành vi đó. Lỗi được xác định là kết quả của sự tự lựa chọn của người phạm tội trong điều kiện khách quan và chủ quan để thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội.

- Thứ ba, tính được quy định trong BLHS: có một số quan điểm cho rằng đặc điểm này nên là “*tính trái pháp luật hình sự*” vì “*có trường hợp được phép thực hiện hành vi được quy định trong (Bộ) luật hình sự và khi đó hành vi đã thực hiện không phải là tội phạm*” [7, tr.23].

Từ phân tích khái niệm XPTDTE và tội phạm, có thể khái quát như sau: *Các tội xâm phạm tình dục trẻ em là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi của người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, được quy định trong BLHS để lôi kéo, ép buộc hoặc dụ dỗ người dưới 16 tuổi vào các hành vi liên quan đến tình dục.*

Theo các hiểu như đã phân tích ở trên và theo quy định của BLHS hiện hành thì các tội XPTDTE bao gồm:

- Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112);
- Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114);
- Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115);
- Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116);

Nghiên cứu về cấu thành tội phạm của các tội này, có thể chỉ ra một số dấu hiệu pháp lý chung như sau:

- Thứ nhất, về khách thể của các tội XPTDTE

“Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại” [27, tr.86], bao gồm: khách thể chung, khách thể loại và khách thể trực tiếp của tội phạm. Khách thể chung của tội phạm là tổng hợp các mối quan hệ xã hội được luật hình sự ghi nhận và bảo vệ nhưng đã bị tội phạm xâm hại; khách thể loại của

tội phạm là nhóm quan hệ xã hội cùng tình chất được nhóm các quy phạm pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ nhưng bị nhóm tội phạm xâm hại; khách thể trực tiếp của tội phạm là quan hệ xã hội được pháp luật ghi nhận và bảo vệ nhưng bị tội phạm cụ thể xâm hại. Trong phạm vi đề tài nghiên cứu này, tác giả đang đề cập đến khách thể loại của các tội XPTDTE là quyền được tôn trọng nhân phẩm, danh dự và quyền bất khả xâm phạm về tình dục của trẻ em.

Trong các quy định của BLHS còn quy định Tội mua dâm người chưa thành niên (Điều 256). Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, tác giả không đưa vào nghiên cứu bởi lý do: (1) Khách thể loại của tội phạm này là trật tự an toàn xã hội, (2) như đã phân tích về khái niệm trẻ em thì theo các quy định của BLHS và các văn bản quy phạm pháp luật khác khái niệm trẻ em và người chưa thành niên là không đồng nhất.

- Thứ hai, về mặt khách quan của các tội XPTDTE

“Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm” [27, tr.99], bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan; bao gồm: hành vi khách quan, hậu quả nguy hiểm cho xã hội cùng như mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các điều kiện bên ngoài của việc thực hiện hành vi phạm tội (công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội...).

Đối với mỗi loại tội phạm trong nhóm các tội XPTDTE có các hành vi khách quan khác nhau, có thể là hành vi giao cấu trái pháp luật (thực hiện bằng cách dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác để giao cấu trái ý muốn với trẻ em) hoặc hành vi có tính chất dâm dục đối với trẻ em. Tuy nhiên các hành vi đều dẫn đến hậu quả là trẻ em sẽ bị tổn thương về sức khỏe, thậm chí là tính mạng; nghiêm trọng hơn, chúng còn gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em, dẫn đến các em có thể sẽ có những sự ám ảnh hoặc lệch lạc nhất định trong tình dục cũng như cuộc sống; ngoài ra còn có thể gây ra những tổn thương nặng nề tại bộ phận sinh dục hoặc tổn thương khác, bị nhiễm các bệnh xã hội lây qua đường tình dục như HIV/AIDS, trẻ em là nữ có thể mang thai ngoài ý muốn...[37]. Các tội XPTDTE đều có cấu thành tội phạm hình thức nên chỉ cần hành vi khách quan được thực hiện đã

phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội và đã cấu thành tội phạm; hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của nhóm tội này.

- Thứ ba, chủ thể của các tội XPTDTE

“Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể thỏa mãn các điều kiện chung như có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội” [27, tr. 122]. Đối với các tội XPTDTE, ngoài những đặc điểm chung như trên thì một số tội đòi hỏi dấu hiệu chủ thể đặc biệt. Cụ thể: Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS), Tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116 BLHS) thì chủ thể là người chưa thành niên tức là đủ 18 tuổi trở lên; Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS) thì chủ thể đóng vai trò người thực hiện tội phạm phải là nam giới từ đủ 14 tuổi trở lên, còn nữ giới chỉ tham gia với vai trò giúp sức, xúi giục, tổ chức.

- Thứ tư, mặt khách quan của các tội XPTDTE

“Mặt khách quan của tội phạm là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội” [27, tr.133]. Những nội dung cụ thể của hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội bao gồm: *Động cơ* là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội cố ý; *Mục đích* là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội; *Lỗi* là thái độ tâm lý của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý. Lỗi là dấu hiệu quan trọng nhất, được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm. Theo Điều 9 BLHS thì căn cứ vào cấu trúc tâm lý của yếu tố lý trí và ý chí, lỗi được chia làm lỗi cố ý và lỗi vô ý. Lỗi cố ý được chia làm cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp. Lỗi vô ý bao gồm lỗi vô ý do cẩu thả và vô ý do quá tự tin.

Đối với nhóm tội này, có thể khẳng định lỗi của chủ thể là lỗi cố ý. Cụ thể ở đây, người phạm tội nhận thức rõ được hành vi của mình có tính chất nguy hiểm cho xã hội; thấy trước hậu quả mà hành vi của mình có thể gây ra cho trẻ em và mong muốn hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

Việc nhận thức đúng khái niệm cũng như các dấu hiệu pháp lý của các tội XPTDTE có ý nghĩa quan trọng trong việc phát hiện, xử lý tội phạm (định tội danh và

quyết định hình phạt). Từ đó giúp cho việc nhận thức đúng đắn, chính xác các vấn đề về tình hình các tội XPTDTE phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.

c) Khái niệm tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

THTP (THTP) là hiện tượng tâm- sinh lý- xã hội tiêu cực, vừa mang tính lịch sử và lịch sử cụ thể, vừa mang tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp, được biểu hiện thông qua tổng thể các tội phạm cùng các chủ thể thực hiện các tội phạm đó trong một đơn vị hành chính lãnh thổ nhất định và trong một thời gian cụ thể nhất định [17, tr. 77].

THTP, trước hết là một hiện tượng xã hội, chứ không phải là một hiện tượng sinh vật học, vật lý, hóa học, vũ trụ học v.v... [33, tr. 55]. Tình hình các tội XPTDTE là một hiện tượng xã hội, vì nó tồn tại trong xã hội, có nguyên nhân trong xã hội và số phận của nó cũng mang tính xã hội. Đó là một hiện tượng xã hội bởi nó hình thành từ những hành vi phạm tội do con người sống trong xã hội thực hiện, chống lại toàn bộ xã hội hoặc chống lại một bộ phận người thống trị xã hội nào đó. Tình hình các tội XPTDTE là một hiện tượng xã hội bởi vì với tính cách là một biểu hiện, là mặt trái của xã hội, nó có tính độc lập tương đối của mình. Bản thân nó không thể tồn tại được ngoài xã hội. Do vậy, khi nghiên cứu tình hình các tội XPTDTE phải dựa vào các điều kiện của đời sống xã hội, vào các quá trình, hiện tượng xã hội khác mà đánh giá, nhận xét, giải thích; phải nghiên cứu nó trong mối liên hệ với thực tại khách quan, với các hiện tượng, quá trình xã hội khác để có một nhận thức đúng đắn về hiện tượng đó, trên cơ sở đề ra các biện pháp tác động đến một hiện tượng xã hội phức tạp chứ không phải một sự kiện phạm tội đơn nhất.

Theo Chủ nghĩa Mác – Lênin thì mọi hiện tượng trong xã hội và tự nhiên không phải ở trạng thái tĩnh tại, bất biến, mà thường xuyên biến đổi và thay đổi [33, tr. 55]. Do vậy, tình hình các tội XPTDTE với tính cách là một hiện tượng xã hội có sự thay đổi về mặt lịch sử. Kéo theo đó nên dấu hiệu, đặc điểm của tình hình các tội XPTDTE cũng thay đổi tùy thuộc vào sự thay đổi của hình thái kinh tế- xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác; tùy thuộc vào sự thay đổi trong một hình thái kinh tế, nhất là sự thay đổi về cơ cấu kinh tế, về cơ cấu xã hội, về cơ cấu giai cấp; tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế - xã hội trong một quốc gia nhất định.

Tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam là một hiện tượng tiêu cực gây nguy hiểm cho xã hội, là hệ thống các tội phạm bao gồm: tội hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em và dâm ô đối với trẻ em do chủ thể có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam được nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016. Nó là hiện tượng tiêu cực rất nghiêm trọng bởi lẽ nó gây ra thiệt hại cho các quan hệ tồn tại trong xã hội, xâm phạm đến các giá trị vật chất và tinh thần mà xã hội đã có được. Hậu quả ở đây là những tác hại về mọi mặt do tình hình các tội xâm phạm tình dục gây ra là một trong những dấu hiệu không thể thiếu được của khái niệm THTP. Ở đây, tình hình các tội XPTDTE được coi như một mặt tất yếu của hiện tượng, chứ không phải là một sự kiện riêng biệt và cũng không chỉ đơn thuần là tổng cộng các thiệt hại do từng tội phạm cụ thể gây ra.

Hậu quả gây ra của tình hình các tội XPTDTE là những tác hại rất lớn trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tác động xấu đến các hiện tượng xã hội khác, đến tiến trình phát triển của xã hội nói chung, làm giảm hiệu quả của các biện pháp tích cực được tiến hành trong xã hội, làm tăng tính tự phát tiêu cực trong đời sống xã hội, làm phức tạp thêm quá trình giáo dục và hình thành con người mới XHCN.

Như vậy, tình hình các tội XPTDTE không phải là sự kết hợp ngẫu nhiên, là tổng số toán học các tội phạm thực hiện trong xã hội, mà là một tổng thể thống nhất biện chứng, là hệ thống các tội phạm cụ thể cấu thành nên hiện tượng đó và của các dấu hiệu đặc tính của hiện tượng. Do đó, nếu có sự thay đổi của dấu hiệu, đặc điểm nào đó thì tất yếu sẽ kéo theo sự thay đổi của các dấu hiệu, đặc điểm khác của hiện tượng nói chung. Việc hiểu được các dấu hiệu (đặc điểm) của tình hình các tội xâm phạm tình dục trong vòng 05 năm từ năm 2012 đến 2016 giúp ta có cơ sở trong việc đề ra các biện pháp phòng chống sát thực, những biện pháp này sẽ thích ứng với từng khoảng thời gian nhất định.

1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tình hình tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em

- Ý nghĩa về mặt lý luận:

Vấn đề đặt ra ở đây là, việc nghiên cứu THTP XPTDTE ở Việt Nam, mang lại giá trị lý luận gì cho tội phạm học? Vấn đề này đòi hỏi phải định vị được vị trí và vai trò của bản thân THTP XPTDTE trong hệ thống lý luận tội phạm học. Trong khoa học

tội phạm học, THTP là khái niệm cơ bản, cơ sở đầu tiên[31, tr.12]. Đó chính là ý nghĩa quan trọng nhất và cơ bản nhất trong lý luận tội phạm học khách quan. Cụ thể:

Xét về mặt biện chứng, trong xã hội, nếu không có tội phạm, không có THTP, thì không có các khoa học pháp lý hình sự nói chung và tội phạm học.

Tính quyết định luận vừa nêu của THTP XPTDTE nói chung còn định vị vai trò của THTP XPTDTE trong hệ thống các tiêu chí mà nhờ nó, tội phạm học được thừa nhận là một khoa học độc lập, tức là tội phạm học có khách thể nghiên cứu riêng [8]. THTP XPTDTE chứa đựng những thông tin cho biết về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, của THTP nhóm tội này. Ngày nay, nếu nghiên cứu THTP trong nhiều năm, còn là cơ sở để nhận biết THTP tiềm tàng, cái giữ vai trò là cơ sở trực tiếp cho việc thiết lập các biện pháp phòng ngừa ở phương diện Ngăn chặn tội phạm;

Lý luận tội phạm học khẳng định, quy luật của sự phạm tội là bản chất, là cái ổn định, nhưng những yếu tố tiêu cực của môi trường sống và của chủ thể hành vi, những yếu tố tham gia vào sự tương tác làm phát sinh THTP XPTDTE, thì luôn luôn thay đổi và mỗi nơi mỗi khác. Chính vì thế mà việc nghiên cứu THTP XPTDTE ở Việt Nam rất có ý nghĩa về mặt lý luận.

- Ý nghĩa về mặt thực tế:

Công tác phòng, chống tội phạm xâm phạm tình dục, trong đó có XPTDTE luôn được các ngành ở các cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hiện nay, các giải pháp phòng ngừa đang được áp dụng từng bước phát huy hiệu quả.

Việc phát hiện, xử lý triệt để các vụ án về tội phạm XPTDTE đã được các cơ quan chức năng bảo đảm làm rõ các mọi tình tiết của vụ án nhưng không gây tác động tiêu cực đến tâm lý của người bị hại là trẻ em; bảo đảm giữ gìn thuần phong mỹ tục, các yếu tố văn hoá của dân tộc và các yếu tố liên quan đến bí mật cá nhân theo yêu cầu của gia đình người bị hại. Đồng thời, trong quá trình giải quyết các vụ án luôn bám sát các nguyên tắc về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nói chung, bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em nói riêng được quy định trong các văn bản pháp luật hình sự; pháp luật hôn nhân và gia đình; pháp luật về bình đẳng giới; pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và tinh thần của Luật trẻ em (có hiệu lực từ ngày 01/6/2017). Để hạn chế THTP XPTDTE thì kết hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống

bạo lực tình dục; lấy phòng ngừa là chính; chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới, về quyền của trẻ em; hành vi xâm hại nói chung và xâm hại tình dục nói riêng đối với trẻ em phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật; nạn nhân bạo lực tình dục phải được bảo vệ, giúp đỡ kịp thời, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của họ và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực nói chung và bạo lực tình dục đối với trẻ em nói riêng. Đặc biệt cần phải nêu cao vai trò của các cơ quan bảo vệ trẻ em trong các vụ xâm hại tình dục như Trung tâm trợ giúp pháp lý, Đoàn luật sư...

1.1.3. Tình hình tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em

Dưới góc độ nhận thức luận, THTP là một chỉnh thể với hai tạo phần của nó: Phần hiện và Phần ẩn.

a) Phần hiện của THTP XPTDTE

Với khái niệm THTP như đã phân tích ở trên thì THTP chỉ tồn tại và biểu hiện thông qua các tội phạm với tính cách là các hành vi phạm tội cụ thể. Điều này có nghĩa là, THTP là cái chung, còn hành vi phạm tội là cái riêng. Mỗi hành vi phạm tội lại diễn ra có quy luật, chịu sự chi phối hoặc bị quy định bởi những yếu tố nhất định của đời sống xã hội. Trong đó, hành vi phạm tội là kết cục của một quá trình phát triển khuyết tật của cá nhân con người cụ thể và là sản phẩm của quá khứ và điều kiện hiện tại, nó phản ánh sự tiếp thu sai lệch chứa đựng trong các yếu tố của môi trường bên ngoài thường xuyên tác động tới chủ thể.

Ngoài những dấu hiệu (đặc điểm) chung của tình hình các tội XPTDTE thì sự thống nhất biện chứng của tất cả các yếu tố cấu thành tình hình các tội XPTDTE còn biểu hiện ở các thông số (đặc điểm) về số lượng và các thông số (đặc điểm) về chất của nó. Tất cả thông số về lượng và về chất của tình hình các tội XPTDTE cũng ở trong sự thống nhất biện chứng, Sự thay đổi của một trong những thông số đó ở dạng tổng thể hay dạng từng phần đều dẫn đến sự thay đổi của THTP nói chung, tình hình các tội XPTDTE nói riêng. Những thông số (đặc điểm) về lượng của tình hình các tội XPTDTE là: thực trạng (mức độ) và động thái (diễn biến) của nó.

Thực trạng (mức độ) của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam là số lượng các tội phạm đã được thực hiện và những người thực hiện các tội đó trên địa bàn cả nước trong vòng 05 năm. Khi xác định số lượng các vụ án XPTDTE đã được thực hiện cần phải tính tổng cộng các số lượng sau: 1, số lượng các tội phạm và những người đã bị các Tòa án nhân dân xét xử và tuyên bản án buộc tội; 2, số lượng các vụ án hình sự bị đình chỉ điều tra, truy tố vì không chứng minh được sự tham gia của bị can trong tội phạm đã thực hiện; 3, số liệu về số lượng các tội phạm không được phát hiện (các tội phạm tiềm ẩn); 4, hệ số của tình hình các tội XPTDTE; 5, mức độ của tình hình các tội XPTDTE [31, tr. 62].

Động thái (diễn biến) của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam. Tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam với tư cách là một hiện tượng xã hội nên cũng không ngừng thay đổi, vận động. Vì thế việc nắm bắt, phân tích diễn biến của tình hình các tội XPTDTE trong khoảng thời gian nhất định có ý nghĩa rất lớn đối với việc hoạch định chính sách nhằm phòng ngừa, đấu tranh với THTP này của các nhà làm luật.

Để có thể nhận thức sâu sắc hơn về thực trạng của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam, yêu cầu cần làm sáng tỏ được các khuynh hướng, các nguyên nhân, điều kiện dẫn tới việc thực hiện các hành vi phạm tội, có cơ sở cho việc nghiên cứu dự báo và xây dựng kế hoạch phòng ngừa tổng thể cần tiến hành việc phân tích trong trong giai đoạn 05 năm (từ năm 2012 đến năm 2016). Chỉ có những số liệu so sánh được tiến hành trong một thời gian dài mới giúp làm sáng tỏ được tính vững chắc, ổn định hoặc không vững chắc, không ổn định của thực trạng tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn cả nước.

Cơ cấu của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam là tỷ trọng mối tương quan của các loại giá trị khác nhau trong số lượng chung của chúng trong một khoảng thời gian và không gian nhất định. Các chỉ số của cơ cấu THTP chỉ rõ đặc điểm lượng – chất của tính nguy hiểm cho xã hội của THTP, chỉ số về các đặc điểm của nó. Điều này có ý nghĩa giữ vai trò nền tảng cho việc phân tích nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, đồng thời cũng là cơ sở để nhận biết về THTP tiềm tàng.

Thông số về tính chất của THTP thể hiện ở số lượng của các tội phạm nguy hiểm nhất cho xã hội trong cơ cấu của THTP cũng như ở các đặc điểm nhân thân của những người thực hiện tội. Tính chất của THTP được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó.

b) Phần ẩn của tình hình các tội XPTDTE

Phần ẩn của tình hình các tội XPTDTE được tạo nên bởi tổng thể các hành vi phạm tội đã xảy ra trên thực tế, song không được phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê các tội XPTDTE. Dựa vào việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm chính trong hoạt động đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm để phân biệt thì có tội phạm ẩn chủ quan và tội phạm ẩn khách quan. Ngoài ra do sai sót thống kê gây ra thì gọi là tội phạm ẩn thống kê, đây cũng là trường hợp của dạng ẩn khách quan.[18, tr75]

Tội phạm ẩn khách quan là một thuật ngữ chỉ khái niệm có nội dung bao hàm tất cả những tội phạm đã xảy ra trong thực tế, song các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự không có thông tin về chúng.

Tội phạm ẩn chủ quan, có lý do ẩn xuất phát từ các chủ thể mà pháp luật đã quy định cho nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh chống tội phạm, kể từ khâu trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm hoặc tiếp nhận tố giác và tin báo về tội phạm cho đến khâu xét xử vụ án hình sự.

Tội phạm ẩn trong các vụ án XPTDTE chủ yếu là tội phạm ẩn tự nhiên xuất phát từ phía bị hại.

1.2. Những yếu tố tác động đến tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam

Để nhận thức đúng bản chất của tình hình các tội XPTDTE, từ đó tổ chức đấu tranh phòng, chống tội XPTDTE ở Việt Nam hiện nay thì chúng ta phải loại trừ các yếu tố tác động (làm phát sinh và thúc đẩy) THTP này. Muốn vậy, trước hết phải tìm ra hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam, bằng cách tìm kiếm các yếu tố tiêu cực khách quan và các yếu tố tiêu cực thuộc về chủ quan dẫn đến chủ thể thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm tình dục.

1.2.1. Những yếu tố tiêu cực khách quan

a) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi con người được sinh ra, lớn lên, được chăm lo cả về thể chất, tinh thần. Đây là môi trường giáo dục đầu tiên và quan trọng quyết định việc hình thành nhân cách một con người. Tuy nhiên, với sự phát triển và thay đổi của cuộc sống theo nền kinh tế thị trường thì hiện nay đã làm thay đổi cuộc sống của người dân và ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối sống của nhiều gia đình, nhiều gia đình Việt Nam đã không còn thực hiện đúng vị trí, vai trò sẵn có của mình. Con người bị cuốn vào vòng xoáy của những lợi ích, dẫn đến tình trạng bố mẹ phải đi làm cae ngày, mãi mê với công việc, kiếm tiền mà quên đi trách nhiệm nuôi dạy và bảo vệ con cái. Với sự thiếu quan tâm từ bố mẹ, dẫn đến sự thiếu định hướng, lời khuyên, chỉ dạy của cha mẹ, người thân và sống ở môi trường nhiều cám dỗ dễ dàng bị ảnh hưởng bởi tệ nạn xã hội, văn hóa phẩm đồi trụy dẫn đến bị dụ dỗ, xâm hại về tình dục là khó tránh khỏi. Bên cạnh đó, một số gia đình cha mẹ có lối sống không chuẩn mực, vi phạm pháp luật... Trẻ em đang trong quá trình hình thành nhân cách sống rất dễ tiếp thu kinh nghiệm, ảnh hưởng xấu và coi đó là giá trị chuẩn cho hành vi và nhân cách của mình.

Bên cạnh đó phải kể đến những sai lầm của cha mẹ trong quá trình nuôi dạy con. Trong các gia đình ở Việt Nam, cha mẹ thường quan tâm chú trọng đào tạo, giáo dục tri thức mà xem nhẹ việc giáo dục đạo đức và những kỹ năng sống cho con. Một số gia đình bảo vệ con thái quá, quản lý quá chặt không cho trẻ tiếp xúc với môi trường xã hội bên ngoài, dẫn đến kiến thức cơ bản về xã hội, kinh nghiệm sống, kiến thức về giới tính, kỹ năng tự bảo vệ bản thân kém. Nhóm trẻ em này rất dễ bị lôi kéo, dụ dỗ tách khỏi gia đình và có nguy cơ thực hiện hành vi phạm tội khá cao khi trưởng thành; đồng thời đây là cũng nhóm trẻ em có nguy cơ trở thành nạn nhân bị xâm hại tình dục lớn.

b) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Thực tế ở Việt Nam hiện nay, vai trò của nhà trường chủ yếu chỉ quan tâm đến việc giáo dục kiến thức cho trẻ em, còn vấn đề giáo dục đạo đức, cách làm người cũng như kỹ năng sống cần thiết thì ít được chú ý. Trẻ em đến trường chỉ với mục đích tiếp

thu tri thức từ thầy cô, còn những kiến thức mềm như kỹ năng sống, kỹ năng bảo vệ bản thân... còn rất hạn chế.

Đồng thời do ảnh hưởng của văn hóa làng xã truyền thống, cả gia đình và nhà trường Việt Nam đều xem nhẹ việc giáo dục giới tính cho trẻ và xem đó là điều cấm kỵ, né tránh khi cần nhắc tới hoặc tuy có áp dụng vào giảng dạy ở nhà trường thì cũng chỉ mang tính hình thức, giới thiệu, không căn bản. Trong khi đó, ở độ tuổi phát triển của trẻ em thì nhu cầu tìm hiểu, tò mò cần được giải thích về vấn đề này là rất cao. Trẻ tò mò về bản thân, về người khác giới, về những vấn đề giới tính, nhưng lại không biết tìm hiểu như thế nào và ở đâu, cần phải hỏi ai khi mà người lớn luôn có định kiến trong suy nghĩ cần phải né tránh vấn đề này. Điều này dẫn đến kiến thức về giới tính và tình dục của trẻ mới lớn rất hạn chế, trẻ tò mò thì phải tự tìm hiểu mà không có định hướng đúng đắn từ gia đình, nhà trường nên càng dễ dẫn đến sự hiểu biết lệch lạc và dễ bị dẫn dụ, lôi kéo.

Ngoài ra, việc giáo dục trẻ em hiện nay, hầu hết các gia đình đều phó mặc cho nhà trường. Trong khi đó, việc quản lý giáo dục tại các nhà trường nhiều khi còn lỏng lẻo, chú trọng thành tích, nhiều trường hợp học sinh hình thành những nhóm tiêu cực trốn học đi lang thang, nhưng nhà trường không biết và cũng không có biện pháp xử lý kinh thời, sự phối hợp thông báo cho gia đình không có. Từ đó, nhiều trường hợp các em có điều kiện nói dối gia đình, tham gia vào các tệ nạn xã hội, đây là điều kiện thuận lợi để các em đi vào con đường phạm tội, trong đó có XPTDTE; và đồng thời cũng chính các em rất dễ trở thành nạn nhân vì các đối tượng xấu xâm hại tình dục. Vì vậy, cần nêu cao vai trò, trách nhiệm của nhà trường, nâng cao sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục hoàn thiện nhân cách con người cho thế hệ trẻ, khắc phục một phần các yếu tố tiêu cực làm nảy sinh tội phạm XPTDTE.

c) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội vĩ mô với nhà nước là chủ thể quản lý

c.1) Hạn chế xuất phát từ quản lý kinh tế

Nguyên nhân kinh tế được coi là nguyên nhân cơ bản nhất của THTP nói chung và các tội XPTDTE nói riêng.

Việt Nam có vị trí thuận lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung, với đường biên giới đất liền kéo dài giáp với Lào, Campuchia, Trung quốc và 3 mặt giáp biển, là cửa ngõ ra biển các các nước tiểu vùng Mê Kông nên hoạt động giao du thương mại tương đối sôi động. Tuy nhiên, nước ta cũng lại là nơi giáp ranh với các địa bàn phức tạp về an ninh trật tự, nhất là khu vực biên giới với 3 nước láng giềng, cho nên cũng chịu sự tác động lớn của THTP, vi phạm pháp luật, trong đó có các tệ nạn xã hội và tội phạm mại dâm hoạt động khá phức tạp, cũng tạo thuận lợi cho các đối tượng lẩn trốn, che dấu hành vi phạm tội.

Nền kinh tế thị trường tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; số lượng các khu công nghiệp tập trung ngày càng nhiều; kéo theo tình trạng di cư, nhập cư phức tạp ở các địa bàn có nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Các đối tượng phạm tội liên quan đến mại dâm thường lợi dụng những sơ hở trong công tác quản lý ở những địa bàn đông dân cư gần các khu, cụm công nghiệp để hoạt động phạm tội và che dấu hành vi phạm tội của mình.

Nền kinh tế thị trường không phải chỉ có mặt tích cực, mà bản thân nó chứa đựng những mặt trái, nhược điểm rất cơ bản. Những khuyết tật, mặt trái của nền kinh tế thị trường như vật chất hóa các quan hệ xã hội, thất nghiệp, không có việc làm, phân hóa giàu nghèo gia tăng... cũng như ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa không phù hợp với thuần phong mỹ tục dân tộc. Bên cạnh đó, trình độ của đa số lao động còn chưa cao, dễ bị tác động ảnh hưởng bởi các tác động tiêu cực, một bộ phận lười lao động, thích ăn chơi, đua đòi dễ bị sa ngã, dụ dỗ vào các tệ nạn xã hội và phạm tội.

c.2) Những hạn chế từ quản lý xã hội

Thứ nhất, về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Hiện nay có rất nhiều loại hình văn hóa giải trí từ truyền thống đến hiện đại lan truyền các ấn phẩm độc hại mang tính bạo lực, kích động và khiêu dâm lại phức tạp và nhiều như vậy. Bên cạnh đó, mạng Internet phát triển nhanh, mạng xã hội trở nên phổ thông đến từng gia đình, người dân. Dẫn đến việc truy cập một trang web có nội dung không lành mạnh, dễ kết bạn, làm quen với bất cứ thành phần, lứa tuổi nào mà không cần trực tiếp gặp gỡ tìm hiểu.

Ngoài ra, các chương trình giải trí, nghệ thuật hiện nay càng có tính thương mại và mục đích thị trường, mang lại tác động xấu cho người thưởng thức, đặc biệt là trẻ em. Ví dụ những hành động bạo lực quá mức, ca sĩ, diễn viên ăn mặc mát mẻ, cảnh tình cảm nhạy cảm tràn lan, hay những tin giật gân để nổi tiếng... tất cả đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới trẻ. Bởi vì giới trẻ với sự hiểu biết còn hạn chế, lập trường chưa chín chắn nên dễ hấp thụ, dễ bắt chước những nội dung này. Trên thực tế nhiều vụ án XPTDTE xảy ra do người phạm tội đã từng xem phim khiêu dâm, phim bạo lực nên bắt chước làm theo.

Có thể thấy trong thời gian qua, việc quản lý lĩnh vực này còn bị buông lỏng, chưa sát sao, còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế; không thể quản lý, kiểm duyệt hết khối lượng những chương trình, ấn phẩm đã và đang chuẩn bị được phát hành.

Thứ hai, những bất cập hạn chế trong quản lý dịch vụ nhà hàng, khách sạn. Hiện nay, Việt Nam đang tích cực xây dựng, phát triển các khu vui chơi giải trí, đẩy mạnh phát triển ngành du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên, công tác quản lý lĩnh vực vui chơi giải trí còn yếu kém, thiếu kinh phí và lực lượng. Dẫn đến xuất hiện nhiều hoạt động vui chơi giải trí thiếu lành mạnh, kinh doanh trá hình với thủ đoạn ngày càng tinh vi; khiến công tác quản lý, phát hiện, xử lý ngày càng khó khăn. Một số cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí sử dụng tiếp viên nữ dưới 18 tuổi, thậm chí dụ dỗ, ép buộc trẻ em tham gia vào các hoạt động mại dâm... dẫn đến tình hình các tội XPTDTE càng trở nên phức tạp. Một số công ty du lịch vì lợi ích vật chất lớn sẵn sàng tìm kiếm đối tượng là trẻ em phục vụ cho những đối tượng có nhu cầu tình dục lệch lạc. Trong quản lý ngành nghề kinh doanh đặc biệt là kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở massage chưa được kiểm duyệt quản lý chặt chẽ khiến cho các ổ mại dâm trá hình mọc lên nhanh chóng. Bản thân các chủ nhà hàng, khách sạn... cũng vì lợi nhuận cao mà cố tình bỏ qua khâu kiểm tra giấy tờ, thu nhận khách không rõ lai lịch, lừa tuổi là điều kiện cho những kẻ mua bán dâm, hiếp dâm trẻ em có điều kiện lý tưởng thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ ba, hệ thống bảo vệ trẻ em ở Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ. Các cơ quan chức năng, chính quyền chưa quan tâm mở rộng các cơ sở vui chơi, giải trí, sinh hoạt chung của người dân nhất là cho thanh thiếu niên, nhi đồng.. Cùng với sự thiếu quan tâm, giáo dục của người lớn dẫn đến trẻ dễ sa vào các tệ nạn

xã hội hoặc tìm đến các trò tiêu khiển khác, trong đó nảy sinh quan hệ yêu đương trước tuổi, có nhiều suy nghĩ không đúng đắn trong quan hệ yêu đương... Mặt khác, công tác phát hiện, tố giác hành vi phạm tội XPTDTE chưa được cơ quan đoàn thể, tổ chức xã hội và mọi người dân quan tâm. Nhiều vụ việc đã xảy ra nhưng gia đình có trẻ em bị xâm hại tình dục không tố giác hành vi của kẻ phạm tội vì nhiều lý do như sợ ảnh hưởng đến tâm lý đứa trẻ, ngại dư luận xã hội, người phạm tội có quan hệ họ hàng, thân thích hoặc do người phạm tội mua chuộc, đe dọa, khống chế...

1.2.2. Những yếu tố tiêu cực chủ quan

Ở đây thấy có 2 nội dung cần phải phân tích:

- Thứ nhất là những tiêu cực thuộc về ý thức cá nhân:

Việc xem xét những yếu tố tiêu cực thuộc về cá nhân người phạm tội XPTDTE xuất phát từ chỗ cần lý giải vì sao trong cùng một môi trường sống thì có người phạm tội nhưng có người lại không phạm tội. Qua việc phân tích đặc điểm cá nhân người phạm tội có những sai lệch về ý chí, tình cảm, thái độ; nhu cầu, sở thích cá nhân có chiều hướng lệch lạc. Yếu tố ý thức của người phạm tội XPTDTE có ý nghĩa quyết định thực hiện hành vi phạm tội của họ. Trình độ văn hóa, quan niệm sai lệch về giá trị cuộc sống, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, nhu cầu tình dục thấp hèn... là những nguyên nhân và điều kiện thuộc về bản chất của người phạm tội XPTDTE.

- Thứ hai là những biểu hiện tiêu cực trong lối sống cá nhân

Sự ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, của lối sống thực dụng, quan điểm sống thoáng về tình dục, không phù hợp với người Việt Nam cũng dần dần hình thành ở cá nhân, nhất là giới trẻ. Đặc biệt lối sống tình dục phi chuẩn mực ngày càng lan rộng, khiến cho cá nhân con người vốn đã có những tư tưởng sống lệch chuẩn khi gặp tình huống thuận lợi dễ dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm tình dục. Đó còn là chưa kể đến hiện nay, có một số đối tượng có học thức, có điều kiện vật chất đầy đủ, nhàm chán với những hình thức giải trí vốn có, muốn tạo nhiều thú vui lạ, “bệnh hoạn” trong đó là nhu cầu thoả mãn tình dục với đối tượng là trẻ em. Điều đó lý giải ngày càng có nhiều vụ án XPTDTE xuất phát từ thú vui không lành mạnh của những người có tiền nhắm vào đối tượng là trẻ em.

1.2.3. Những yếu tố xuất phát từ khía cạnh nạn nhân

Những yếu tố xuất phát từ đặc điểm của nạn nhân không phải nguyên nhân tiên quyết tác động làm phát sinh tội phạm XPTDTE, song có có ý nghĩa thúc đẩy, tạo điều kiện để tội phạm phát sinh. Hiện nay, đây là một vấn đề cần nghiên cứu và lưu ý.

Nạn nhân của nhóm tội này chủ yếu vẫn là các trẻ em gái. Nạn nhân đóng vai trò là điều kiện thúc đẩy cho tội phạm xảy ra, cụ thể như: (1) Nhóm trẻ em lang thang, cơ nhỡ không có sự quản lý, giáo dục từ phía gia đình rất dễ bị xâm hại tình dục; hoặc bị dụ dỗ, lôi kéo vào con đường phạm tội; (2) Nhóm trẻ em bị nhược điểm, khuyết tật về thể chất, tinh thần không có khả năng tự vệ khi bị xâm hại; (3) Nhóm trẻ em có độ tuổi càng nhỏ thì càng dễ bị xâm hại vì không có khả năng tự vệ cũng như không có khả năng nhận thức được hành vi phạm tội nên không thể tự bảo vệ bản thân và khi bị xâm hại thì những trẻ em này cũng không nhận biết được bản thân mình đã bị xâm hại; (4) Đa số nạn nhân là các trẻ em không được giáo dục về giới tính, thiếu kiến thức hiểu biết cần thiết về giới tính, tình dục đã tạo điều kiện cho các đối tượng có ý định phạm tội dễ dàng phạm tội hơn; (5) Một số trẻ em nữ có lối sống buông thả, thích ăn chơi tụ tập nên dễ bị các đối tượng lợi dụng để thực hiện hành vi phạm tội...

1.3. Mối quan hệ giữa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em với nhân thân người phạm tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay

Từ những công trình tội phạm học đã công bố, cho phép rút ra những mối quan hệ sau đây giữa tình hình các tội XPTDTE với nhân thân người phạm tội:

Thứ nhất, nhân thân người phạm tội là một bộ phận không thể tách rời của tình hình các tội XPTDTE. Khái niệm nhân thân người phạm tội trong tội phạm học cũng có biểu hiện giống như khái niệm THPT, tức là nhân thân người phạm tội với tính cách là cá nhân (cái riêng) và nhân thân người phạm tội với tính cách là hiện tượng (cái chung). Nhân thân người phạm tội XPTDTE với tính cách là hiện tượng được gọi là tình hình nhân thân người phạm tội XPTDTE. Nó được khái quát từ những đặc điểm của tổng thể những người phạm tội XPTDTE (bị can, bị cáo) trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định.

Thứ hai, nhân thân người phạm tội XPTDTE là một bộ phận cấu thành tất yếu và rất quan trọng của cơ chế hành vi tội phạm. Nhận định này cho thấy rõ sự khác nhau giữa khoa học luật hình sự và tội phạm học trong quan niệm về nhân thân người phạm tội XPTDTE. Khoa học Luật hình sự khai thác nhân thân người phạm tội

XPTDTE để tìm kiếm những đặc điểm, những yếu tố ý nghĩa cho việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước đối với người phạm tội, đặc biệt là để có thể giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự. Vì thế, những đặc điểm thuộc về nhân thân này phải được quy định trong Luật hình sự và phải có mối liên hệ tới hành vi phạm tội của chủ thể hành vi. Dưới góc độ tội phạm học, khái niệm nhân thân người phạm tội được nghiên cứu như sau:

Một là, ở mức độ chung, nhân thân của một người nào đó là hình ảnh có thể nhận thức được thông qua tổng thể các đặc điểm về mặt tự nhiên, xã hội và hành vi xã hội của chủ thể đã thực hiện hành vi đó ở một địa bàn và thời gian nhất định;

Hai là, ở mức độ cụ thể, nhân thân người phạm tội XPTDTE là hình ảnh có thể nhận thức được thông qua tổng thể các đặc điểm về tự nhiên, xã hội và hành vi phạm tội của chủ thể đã thực hiện hành vi đó trên một địa bàn và thời gian nhất định.

Như vậy, nếu những đặc điểm của cá nhân người phạm tội XPTDTE được mô tả đầy đủ và chuyên biệt thì giúp cho người nghiên cứu càng nhận thức rõ hơn bức tranh phạm tội, từ đó khái quát được THTP xâm phạm tình dục rõ nét, đúng bản chất.

Kết luận chương 1

Việc nghiên cứu rõ khái niệm tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em sẽ giúp chỉ rõ bản chất của các tội phạm này, đặc điểm đặc trưng về độ tuổi của nạn nhân, đặc điểm của hành vi phạm tội cụ thể. Từ đó giúp tác giả nhận diện được tội phạm cũng như tình hình tội phạm trong khoảng thời gian và không gian nhất định. Từ cách tiếp cận để nhận diện về nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm ở Việt Nam tác giả đã chỉ ra những nguyên nhân và điều kiện có tính chất đặc thù của các tội XPTDTE nói riêng. Sự tương tác nguyên nhân và điều kiện đó với người phạm tội đã làm phát sinh tội phạm XPTDTE, cụ thể như sau:

Với sự thiếu quan tâm từ bố mẹ, dẫn đến sự thiếu định hướng, lời khuyên, chỉ dạy của cha mẹ, người thân và sống ở môi trường nhiều cám dỗ dễ dàng bị ảnh hưởng bởi tệ nạn xã hội, văn hóa phẩm đồi trụy dẫn đến bị dụ dỗ, xâm hại về tình dục là khó tránh khỏi. Bên cạnh đó, một số gia đình cha mẹ có lối sống không chuẩn mực, vi phạm pháp luật... Trẻ em đang trong quá trình hình thành nhân cách sống rất dễ tiếp thu kinh nghiệm, ảnh hưởng xấu và coi đó là giá trị chuẩn cho hành vi và nhân

cách của mình. Thực tế ở Việt Nam hiện nay, vai trò của nhà trường chủ yếu chỉ quan tâm đến việc giáo dục kiến thức cho trẻ em, còn vấn đề giáo dục đạo đức, cách làm người cũng như kỹ năng sống cần thiết thì ít được chú ý. Kiến thức về giới tính và tình dục của trẻ mới lớn rất hạn chế, trẻ tò mò thì phải tự tìm hiểu mà không có định hướng đúng đắn từ gia đình, nhà trường nên càng dễ dẫn đến sự hiểu biết lệch lạc và dễ bị dẫn dụ, lôi kéo.

Xuất phát từ những hạn chế về quản lý kinh tế, quản lý xã hội hiện nay. Việc quản lý lĩnh vực văn hóa này còn bị buông lỏng, chưa sát sao, còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế; không thể quản lý, kiểm duyệt hết khối lượng những chương trình, ấn phẩm đã và đang chuẩn bị được phát hành. , công tác quản lý lĩnh vực vui chơi giải trí còn yếu kém, thiếu kinh phí và lực lượng. Dẫn đến xuất hiện nhiều hoạt động vui chơi giải trí thiếu lành mạnh, kinh doanh trá hình với thủ đoạn ngày càng tinh vi; khiến công tác quản lý, phát hiện, xử lý ngày càng khó khăn.

Hệ thống bảo vệ trẻ em ở Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ. Các cơ quan chức năng, chính quyền chưa quan tâm mở rộng các cơ sở vui chơi, giải trí, sinh hoạt chung của người dân nhất là cho thanh thiếu niên, nhi đồng. Nhiều vụ việc đã xảy ra nhưng gia đình có trẻ em bị xâm hại tình dục không tố giác hành vi của kẻ phạm tội vì nhiều lý do như sợ ảnh hưởng đến tâm lý đứa trẻ, ngại dư luận xã hội, người phạm tội có quan hệ họ hàng, thân thích hoặc do người phạm tội mua chuộc, đe dọa, không chế...

Từ những hạn chế về mặt chủ quan người phạm tội, bao gồm những tiêu cực thuộc về ý thức cá nhân và những biểu hiện tiêu cực trong lối sống cá nhân. Bên cạnh đó, những yếu tố xuất phát từ đặc điểm của nạn nhân không phải nguyên nhân tiên quyết tác động làm phát sinh tội phạm XPTDTE, song có có ý nghĩa thúc đẩy, tạo điều kiện để tội phạm phát sinh.

Trong 05 năm qua công tác phòng, chống tình hình các tội XPTDTE đã đạt kết quả tích cực nhưng trong quá trình tổ chức phòng ngừa tình hình các tội XPTDTE vẫn còn những hạn chế, tình hình các tội phạm này ở Việt Nam vẫn xảy ra nhiều, tính chất nghiêm trọng của hành vi ngày càng tăng. Để có thể đấu tranh có hiệu quả hơn với tình hình các tội XPTDTE cần chỉ ra được những hạn chế và nguyên nhân làm cho công tác phòng, chống tình hình các tội XPTDTE chưa đạt được.

Chương 2

THỰC TIỄN TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016

2.1. Tổng quan về thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, tội phạm XPTDTE ngày càng diễn biến nghiêm trọng và phức tạp. Tổng kết tình hình phạm tội năm 2016, toàn quốc phát hiện 1.641 vụ xâm hại trẻ em, gồm 1.807 đối tượng, 1.627 nạn nhân bị xâm hại, trong đó có 1.248 vụ XPTDTE, chiếm 77% tổng số vụ. Trong số vụ xâm hại trẻ em, tội giao cấu chiếm tỷ lệ cao nhất 677 vụ, hiếp dâm trẻ em 446 vụ, dâm ô 189 vụ, cưỡng dâm 9 vụ, v.v... Phần lớn đối tượng phạm tội xâm hại trẻ em là nam giới (1.756 đối tượng, chiếm tỷ lệ 97,2%), chủ yếu trên 18 tuổi, không có nghề nghiệp ổn định, đa phần là những người quen, người có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc trẻ em (anh em, cha mẹ, họ hàng, hàng xóm, thầy cô giáo, v.v...). Nạn nhân bị xâm hại chủ yếu trẻ em gái (1.358 người, chiếm 84%), thậm chí các cháu bị thiếu năng trí tuệ cũng bị xâm hại tình dục. Phần lớn nạn nhân bị xâm hại trong độ tuổi từ 13 - 16 (1.037 người, chiếm 63,4%), còn lại dưới 6 tuổi là 120 người, trong độ tuổi 6 - 13 tuổi là 479 người. Các vụ xâm hại thường xảy ra ở các khu chung cư, tập thể, một số vùng nông thôn, sông nước, v.v... nơi không có người trông coi, giám sát thường xuyên [1, tr.1].

Qua công tác theo dõi tình hình xét xử các vụ án XPTDTE trong 05 năm gần đây cho thấy, số lượng các vụ án mà các Tòa án nhân dân thụ lý để giải quyết đối với loại tội phạm này tăng song không đều giữa các năm về số vụ và số bị cáo. Cụ thể: Năm 2012: thụ lý 1.392 vụ với 1.518 bị cáo, đến năm 2016 tăng lên 1.576 vụ với 1.676 bị cáo; tuy nhiên nếu nghiên cứu theo giai đoạn thì từ 2012 đến 2014 tội phạm có chiều hướng gia tăng (đến năm 2014 thụ lý 1.876 vụ với 2.042 bị cáo), từ 2014 đến 2016 tội phạm giảm dần theo từng năm về số vụ và số bị cáo (năm 2014: thụ lý 1.876 vụ với 2.042 bị cáo; năm 2015: 1.756 vụ với 1.878 bị cáo; năm 2016: 1.576 vụ với 1.676 bị cáo) [2]. Tuy nhiên, với thông tin của các cơ quan chức năng thì số liệu các hành vi XPTDTE bị đưa ra xét xử như đã nêu trên chưa phản ánh hết mức độ thật sự của tình

trạng XPTD đối với trẻ em ở Việt Nam, vì rất nhiều nạn nhân vì nhiều lý do khác nhau đã không tố cáo hoặc vụ việc chưa được các cơ quan chức năng xử lý thỏa đáng hay công tác điều tra đối với nhiều trường hợp là rất khó khăn, không thể chứng minh được tội phạm.

Việc XPTDTE không chỉ diễn ra trong cộng đồng hay tại nơi làm việc mà còn diễn ra ngay chính tại gia đình, nhà trường và các cơ sở chăm sóc trẻ em tập trung. Đối tượng phạm tội XPTDTE thuộc nhiều thành phần, lứa tuổi: người lạ, bạn bè, người quen, người thân trong gia đình (cha đẻ, cha dượng, chú, anh trai,...), thầy giáo, trẻ vị thành niên (Vụ án: Phạm Ngọc Hoàng sinh ngày 16/9/1999, trú tại xã Mỹ Trì, quận nam Từ Liêm, Hà Nội, nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu C.P.A sinh năm 2001. Khi phạm tội bị cáo mới 15 tuổi, còn bị hại 12 tuổi 11 tháng 20 ngày. Tại bản án số 476/2015/HSST ngày 25/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng khoản 4 Điều 112, khoản 1 Điều 46, Điều 68, Điều 74 BLHS, tuyên phạt bị cáo 3 năm 6 tháng tù về tội “hiếp dâm trẻ em”); người Việt Nam, người nước ngoài (Vụ án: bị cáo Vadim Scott Benderman quốc tịch Canada, nhập cảnh vào Việt Nam từ ngày 04/6/2014, dạy Tiếng Anh tại Trung tâm Clever Learn Vietnam phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và chơi nhạc ở quán The Doors Cafe 11 Hàng Chĩnh, Hà Nội, bị cáo thường đi đến khu vực hồ Hoàn Kiếm rủ rê các em trai có độ tuổi từ 14 đến dưới 16 tuổi đưa về phòng trọ ngủ qua đêm và thực hiện hành vi xâm hại tình dục đối với các cháu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ngoài những hành vi phạm tội mà cơ quan điều tra phát hiện, bị cáo đã tự thú những hành vi phạm tội khác. Tại bản án số 13/2016/HSST ngày 13/01/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 116; các điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 32 BLHS, tuyên phạt bị cáo 4 năm tù về tội “dâm ô đối với trẻ em”);...Nhiều vụ án xảy ra có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện sự suy đồi đạo lý, gây phẫn nộ trong nhân dân; như: bố đẻ hiếp dâm con gái (Vụ án: Huỳnh Minh Mẫn sinh năm 1971, trú tại Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần hiếp dâm cháu H.N.H, sinh năm 2003 là con đẻ của bị cáo, dẫn đến hậu quả cháu H mang thai và sinh con. Tại bản án số 291/2016/HSST ngày 22/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt bị cáo Huỳnh Minh Mẫn tù chung thân về tội “hiếp dâm trẻ em”);

bố dượng hiếp dâm con gái riêng của vợ (Vụ án Nguyễn Văn Hùng sinh năm 1977, trú tại quận Hoàng Mai, Hà Nội: hai lần giao cấu với cháu T.T.H, sinh năm 2008 là con riêng của vợ bị cáo. Tại bản án số 84/2015/HSST ngày 17/3/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng khoản 4 Điều 12; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS tuyên phạt bị cáo 9 năm tù về tội “hiếp dâm trẻ em”); anh trai hiếp dâm em gái; nhiều người hiếp dâm một người (Vụ án Nguyễn Thanh Phong sinh năm 1998, trú tại Long Thành, Đồng Nai, Nguyễn Ngọc Hoàng sinh ngày 10/5/1996, trú tại Tân Phú, Đồng Nai, Bùi Thanh Hoàng sinh ngày 23/5/1998, trú tại xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang: ngày 07/5/2014, Phong, Ngọc Hoàng và Thanh Hoàng đã thực hiện hành vi hiếp dâm cháu B.H.P.V sinh ngày 10/6/2000. Tại bản án số 16/2016/HSST ngày 15/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng điểm b khoản 3 Điều 112, Điều 53, Điều 69, Điều 74, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS, tuyên phạt Nguyễn Thanh Phong 07 năm tù, Nguyễn Ngọc Hoàng 06 năm tù, Bùi Thanh Hoàng 05 năm tù đều về tội “hiếp dâm trẻ em”); hiếp dâm rồi giết trẻ em (Vụ án Trương Quế Lâm trú tại thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, thực hiện hành vi dâm ô đối với em L.T.T.N sinh năm 1996, khi bị xâm hại chưa đủ 16 tuổi, sau đó sợ sự việc bại lộ nên đã dùng cây cước siết cổ nạn nhân, đập vào ngực, dùng đá san hô đập vào đầu em N cho đến chết rồi giấu xác vào cống thoát nước của địa nuôi hải sản. Tại bản án số 238/2015/HSPT ngày 18/9//2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xử phạt tử hình đối với bị cáo Trương Quế Lâm về tội “giết người” và 02 năm tù về tội “dâm ô đối với trẻ em”); thầy giáo hiếp dâm hoặc dâm ô học sinh (Vụ án Ân Quang Sơn giáo viên Trường tiểu học Bản Khoang, xã Bản Khoang, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với 03 em học sinh tiểu học chưa đủ 13 tuổi tại trường. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã đến Ủy ban nhân dân xã Bản Khoang đầu thú. Tại bản án số 40/2016/HSST ngày 25/8/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai áp dụng khoản 4 Điều 112; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, tuyên phạt bị cáo Ân Quang Sơn 19 năm tù về tội “hiếp dâm trẻ em”); nạn nhân của các hành vi phạm tội còn rất nhỏ tuổi (Vụ án Nguyễn Thanh Quốc sinh năm 1984, trú tại thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang: ngày 11/3/2016, Nguyễn Thanh Quốc đã thực hiện hành vi giao cấu với cháu V.T.M.L cháu họ Quốc, sinh ngày 31/01/2012.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận: ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo còn thực hiện hành vi giao cấu với cháu L vào thời gian sau Tết nguyên đán năm 2015. Tại bản án số 21/2017/HSST, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang áp dụng khoản 4 Điều 112; các điểm p, n khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 BLHS tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh Quốc 10 năm tù về tội “hiếp dâm trẻ em”)....

Không chỉ trẻ em nữ mà trẻ em nam cũng là nạn nhân của các hành vi XPTD; thủ đoạn phạm tội thường thông qua các dịch vụ du lịch; lôi kéo, xâm hại những trẻ em nam lang thang hoặc có hoàn cảnh khó khăn, những trẻ em dễ bị tổn thương để xâm hại.

Trước đây, các vụ án XPTDTE xảy ra chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, những khu vực dân cư thưa thớt, hẻo lánh, trình độ dân trí thấp; nhưng hiện nay, ngày càng nhiều vụ XPTDTE được phát hiện ở các khu đô thị, thành phố lớn. Tòa án nhân dân của nhiều tỉnh, thành phố lớn đã thụ lý số lượng lớn các vụ án XPTDTE; như: thành phố Hồ Chí Minh (421 vụ/433 bị cáo), Đồng Nai (313 vụ/332 bị cáo), Bình Dương (194 vụ/211 bị cáo), Kiên Giang (187 vụ/192 bị cáo), Đồng Tháp (183 vụ/203 bị cáo), Hà Nội (169 vụ/191 bị cáo), Tây Ninh (173 vụ/180 bị cáo), Bình Phước (153 vụ/169 bị cáo), Cà Mau (140 vụ/141 bị cáo), An Giang (146 vụ/ 155 bị cáo), Long An (137 vụ/ 142 bị cáo), Tiền Giang (119 vụ/120 bị cáo)....

Trước tình hình thực tế của loại tội phạm này, Quốc hội đã chỉ đạo các ngành (Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh...) rà soát cụ thể tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm chức năng, nhiệm vụ của mình. Đặc biệt, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phải chỉ đạo cho các cơ quan tiền hành tố tụng tại địa phương tăng cường phối hợp đưa các vụ án XPTDTE ra xét xử kịp thời. Mức hình phạt mà các Tòa án đã tuyên phạt các bị cáo bảo đảm đúng quy định của pháp luật; tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm về XPTDTE nói riêng trong tình hình hiện nay. Tuy có sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị và nhất là các cơ quan tiền hành

tổ tụng, song trên thực tế, tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam trong thời gian gần đây xảy ra với diễn biến phức tạp cả về tính chất lẫn mức độ, thủ đoạn ngày càng xảo quyệt, gây bức xúc trong nhân dân, suy giảm giá trị đạo đức truyền thống, từ đó là lực cản lớn cho sự phát triển nói chung của xã hội.

2.2. Phần hiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016

2.2.1. Thực trạng (mức độ) của tình hình các tội XPTDTE từ năm 2012 đến năm 2016

Mức độ của tình hình các tội XPTDTE là đặc điểm định lượng của tình hình tội này, bao hàm những hành vi phạm tội đã xảy ra trong thực tế mà các chủ thể thực hiện hành vi đó ở một đơn vị thời gian và không gian nhất định. Để mô tả và đánh giá một cách chính xác mức độ của tình hình hình các tội XPTDTE trên địa bàn cả nước, Luận văn này đã sử dụng số liệu thống kê của Vụ Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao từ năm 2012 đến năm 2016, bản án hình sự sơ thẩm các vụ án XPTDTE (đánh giá 200 bản án đã xét xử hình sự sơ thẩm và các bản báo cáo tổng kết hàng năm của các ngành tư pháp để làm tư liệu nghiên cứu). Mức độ của tình hình hình các tội XPTDTE có thể được làm rõ ở 3 phạm vi đó là: mức độ tổng quan, mức độ nhóm và mức độ hành vi.

Mức độ tổng quan: Để mô tả và đánh giá một cách chính xác tình hình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam thì mức độ tổng quan của tình hình hình các tội XPTDTE được chia thành hai loại, đó là mức độ tổng quan tuyệt đối (còn gọi là mức độ cơ bản) và mức độ tổng quan tương đối (còn gọi là mức độ so sánh).

- Mức độ tổng quan tuyệt đối:

Mức độ tổng quan tuyệt đối của tình hình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam là số lượng vụ án, bị cáo các Tòa án nhân dân đã xét xử trong vòng 05 năm từ 2012 đến 2016. Việc sử dụng mức độ cơ bản để đánh giá được hàng năm Tòa án nhân dân đã tiến hành xét xử sơ thẩm hình sự đối với vụ án XPTDTE bao nhiêu vụ, bao nhiêu bị cáo.

Bảng 2.1: Mức độ tổng quan tuyệt đối (mức độ cơ bản) của tình hình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2012-2016

Năm	Số vụ án	Số bị cáo
2012	1303	1414
2013	1558	1694
2014	1759	1913
2015	1589	1678
2016	1437	1520
Tổng số	7646	8219

(Nguồn: Vụ Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao)

Qua số liệu trên có thể thấy rằng trong vòng 05 năm từ 2012 đến 2016 trên toàn địa bàn cả nước đã xét xử 7646 vụ án về tội hình các tội XPTDTE với 8219 bị cáo. Do vậy muốn đánh giá mức độ cao hay thấp thì phải đưa về số lượng tương đối để so sánh.

- Mức độ tổng quan tương đối (so sánh):

Để so sánh mức độ của tình hình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam với THPT chung ở Việt Nam. Bảng 1.2 sau đây cho thấy tỷ phần của mức độ cơ bản về tội hình các tội XPTDTE trên địa bàn cả nước so với mức độ THPT chung trên cả nước.

Bảng 2.2: Mức độ tổng quan tương đối – tỷ lệ tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn cả nước

Năm	THPT về XPTDTE		THPT (chung)		Tỷ lệ %	
	Số vụ án (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ án (3)	Số bị cáo (4)	(1)/(3)	(2)/(4)
2012	1303	1414	65974	117866	1,97	1,19
2013	1558	1694	67153	118281	2,32	1,43
2014	1759	1913	66676	119257	2,63	1,6
2015	1589	1678	59866	106354	2,65	1,57
2016	1437	1520	61907	104141	2,32	1,46
Tổng	7646	8219	321576	565899	2,37	1,45

(Nguồn: Vụ Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao)

Dựa trên bảng số liệu 1.2 ta có thể nhận thấy, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2016 trên địa bàn cả nước (bao gồm tất cả các vụ án xét xử sơ thẩm của tỉnh và các cấp huyện) đã xét xử 321576 vụ án với 565899 bị cáo; trong số này có 7646 vụ án với 8219 bị cáo phạm tội XPTDTE, chiếm 2,37% về số vụ và 1,45% về số bị cáo. Nếu so sánh với các nhóm tội khác (nhóm tội xâm phạm sở hữu, nhóm tội liên quan đến ma túy...) thì nhìn chung tỉ lệ này không cao.

Để so sánh mức độ của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn cả nước với các tình hình các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trên cả nước, chúng ta sẽ so sánh số vụ án và bị cáo của các tội XPTDTE trên địa bàn cả nước lấy tỉ phần với số vụ án và bị cáo của nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trên phạm vi cả nước.

Bảng 2.3 Số vụ, bị cáo của các tội XPTDTE so sánh với nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người trên phạm vi cả nước

Năm	THTP về xâm phạm TDTE		THTP về xâm phạm TM, SK, NP, DD		Tỷ lệ%	
	Số vụ án (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ án (3)	Số bị cáo (4)	(1)/(3)	(2)/(4)
2012	1303	1414	10585	17517	12,3	8,07
2013	1558	1694	10732	17178	14,5	9,86
2014	1759	1913	10400	16425	16,9	11,64
2015	1589	1678	8975	13633	17,7	12,3
2016	1437	1520	8248	12240	17,4	12,4
Tổng số	7646	8219	48940	76993	15,6	10,67

(Nguồn: Vụ Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng 1.3 cho thấy, tình hình các tội XPTDTE trong 05 năm qua trên địa bàn cả nước so với tình hình các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trên phạm vi cả nước có tỉ lệ rất cao, số vụ án XPTDTE đã xét xử trên địa bàn cả nước chiếm 15,6% số vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người cả nước, số bị cáo chiếm 10,67% số bị cáo cả nước. Từ

số liệu trên có thể đánh giá ở Việt Nam hiện nay tội phạm XPTDTE đang trở thành loại tội phạm khá phổ biến (tội phạm nóng).

Để so sánh mức độ của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn cả nước với các tình hình các tội xâm phạm tình dục trên cả nước, chúng ta sẽ so sánh số vụ án và bị cáo của các tội XPTDTE trên địa bàn cả nước lấy tỉ phần với số vụ án và bị cáo của nhóm các tội xâm phạm tình dục trên phạm vi cả nước.

Bảng 2.4 Số vụ, bị cáo của các tội XPTDTE so sánh với các tội XPTD chung trên phạm vi cả nước

Năm	THTP về xâm phạm TDTE		THTP về xâm phạm tình dục		Tỷ lệ%	
	Số vụ án (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ án (3)	Số bị cáo (4)	(1)/(3)	(2)/(4)
2012	1303	1414	1592	1847	86,2	76,55
2013	1558	1694	1897	2131	82,1	79,5
2014	1759	1913	2098	2381	83,8	80,3
2015	1589	1678	1836	1996	86,5	84,06
2016	1437	1520	1618	1754	88,8	86,6
Tổng số	7646	8219	9041	10109	84,57	81,3

(Nguồn: Vụ Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng 1.4 cho thấy, tình hình các tội XPTDTE trong 05 năm qua trên địa bàn cả nước so với tình hình các tội XPTD trên phạm vi cả nước có tỉ lệ rất cao, số vụ án XPTDTE đã xét xử trên địa bàn cả nước luôn chiếm trên 82% số vụ án XPTD cả nước, số bị cáo chiếm trên 80% số bị cáo cả nước. Điều này cho thấy nạn nhân của các vụ án XPTD phần lớn là trẻ em.

Để tính được hệ số THTP: là tỷ lệ trọng giữa số lượng tội phạm đã xảy ra với số lượng 100.000 dân cư.

Bảng 2.5 Cơ số về mức độ của tình hình XPTDTE trên cơ sở tổng dân số cả nước từ 2012-2016

Năm	Tổng số bị cáo phạm tội đã xét xử	Tổng số bị cáo phạm tội XPTDTE	Dân số trung bình	Cơ số tội phạm	Cơ số tội phạm XPTDTE
2012	117866	1414	88809,3	132,7	1,59
2013	118281	1694	89759,5	131,7	1,88
2014	119257	1913	90728,9	131,4	2,1
2015	106354	1678	91709,8	115,9	1,83
2016	104141	1520	92695,1	112,3	1,64
Tổng	565899	8219	453702,6	124,7	1,81

(Nguồn: Vụ Tổng hợp TANDTC; Tổng cục Thống kê)

Qua bảng 1.5 cho thấy cứ trung bình một trăm ngàn người dân ở Việt Nam thì có 1,81 người phạm tội XPTDTE. Số liệu trên so với cơ số tội phạm chung của cả nước tương đối thấp. Mặc dù nhìn trong cả giai đoạn 2012 -2016 thì hệ số THTP XPTDTE có chiều hướng tăng từ 1,59 năm 2012 lên đến 1,81 năm 2016. Tuy nhiên, nếu xem xét cụ thể hơn theo từng phân đoạn thời gian thì xu hướng lại là giảm. Giai đoạn 2012-2014, tội phạm XPTDTE có dấu hiệu tăng đều theo các năm, năm 2012 cơ số các tội XPTDTE là 1,59; năm 2013 tăng lên 1,88; năm 2014 tăng lên 2,1. Từ 2014 đến 2016, tội phạm XPTDTE lại bắt đầu có dấu hiệu giảm đều giữa các năm; năm 2014 cơ số tội phạm nhóm tội này là 2,1; đến 2015 còn 1,83 và đến 2016 giảm còn 1,64.

Mức độ tổng quan của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam còn được làm rõ hơn qua việc tính toán tỷ lệ giữa số bị cáo với số vụ phạm tội đã xét xử.

Bảng 2.6 Tỷ lệ giữa số bị cáo và số vụ phạm tội XPTDTE đã bị xét xử từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Các tội XPTDTE		Tội phạm chung		Tỷ lệ bị cáo/ vụ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Các tội XPTDTE	Tội phạm chung
2012	1303	1414	65974	117866	1,08	1,78
2013	1558	1694	67153	118281	1,08	1,76
2014	1759	1913	66676	119257	1,08	1,78
2015	1589	1678	59866	106354	1,05	1,77
2016	1437	1520	61907	104141	1,05	1,68
Tổng	7646	8219	321576	565899	1,07	1,76

(Nguồn: Vụ Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng số liệu cho thấy ở Việt Nam bình quân tỷ lệ chênh lệch giữa số bị cáo với số vụ án trong các vụ XPTDTE trong 5 năm gần đây là 1,07, trong đó 3 năm 2012 đến 2014 tỷ lệ này đều là 1,08, đến 2015 và 2016 thì tỷ lệ này giảm xuống ở mức 1,05 (đều thấp hơn tỷ lệ chung của tội phạm hình sự, 5 năm qua là 1,76). Theo khoa học tội phạm học thì sự chênh lệch giữa số bị cáo lớn hơn số vụ án là rơi vào trường hợp “đồng phạm đơn tội” nên cho phép chúng ta đưa ra đánh giá: ở Việt Nam hiện nay mức độ đồng phạm đơn tội của các vụ án XPTDTE rất thấp, trung bình chỉ 1,07 bị cáo/vụ và có xu hướng giảm nhẹ trong 3 năm gần đây. Xu hướng này cũng là xu hướng chung của tội phạm hình sự chung ở nước ta. Đây là một trong những đặc điểm biểu hiện tính nguy hiểm của tội XPTDTE, hầu hết các vụ phạm tội trong nhóm này đều không có đồng phạm, cá nhân thực hiện hành vi phạm tội riêng lẻ.

Từ các số liệu thống kê cho thấy, tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam trong thời gian gần đây có diễn biến khá phức tạp. Tỷ lệ số nạn nhân là trẻ em trong các vụ án xâm hại tình dục là rất lớn, điều đó là hiện tượng đáng báo động trong đời sống xã hội hiện nay ở nước ta. Đồng thời xét về tỷ lệ tương đối thì tỷ trọng nhóm các tội XPTDTE trong giai đoạn 3 năm gần đây có xu hướng giảm, song thực tế số vụ phạm tội trong nhóm này vẫn còn rất lớn và chiều hướng giảm chậm dần.

2.2.2. Động thái (diễn biến) của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016

Diễn biến (hay còn gọi là động thái) của tình hình các tội XPTDTE là sự phản ánh xu hướng tăng, giảm hay ổn định tương đối của tình hình tội này xảy ra trong một khoảng thời gian trên địa bàn cả nước. Như vậy, ở đây áp dụng phương pháp so sánh định gốc theo năm để nắm bắt được xu hướng của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam trong vòng 05 năm qua.

Bảng 2.7. Diễn biến tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Số vụ án		Số bị cáo	
	Số vụ án	Tỷ lệ (%)	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
2012	1303	100%	1414	100%
2013	1558	119,6%(+19,6%)	1694	119,8%(+19,8%)
2014	1759	135%(+35%)	1913	135,3%(+35,3%)
2015	1589	121,9%(+21,9%)	1678	118,6%(+18,6%)
2016	1437	110,2%(+10,2%)	1520	107,5%(+7,5%)
2012-2014	+456	135% (+35%)	499	135,3% (+35,3%)
2014-2016	-322	81,7% (- 18,3%)	-393	79,5% (- 20,5%)

(Nguồn: Vụ Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao)

Từ số liệu phân tích trên bảng 1.7 cho thấy xu hướng về tình hình các tội XPTDTE trong 5 năm có xu hướng tăng. Tuy nhiên phân thành 2 giai đoạn, trong 03 kỳ thống kê (từ năm 2012 đến 2014) THTP có diễn biến tăng mạnh (tăng 35% số vụ và số bị cáo trong 3 năm). Tuy nhiên, trong 3 năm kế tiếp từ 2014 đến 2016; số lượng (tỷ lệ) vụ án và số bị cáo có dấu hiệu giảm (so với năm gốc 2014 thì đến 2016 thì số vụ giảm 25% và số bị cáo giảm mạnh 27,8%) . Tuy nhiên khi đứng dưới góc độ tội phạm học thì số vụ án, số bị cáo của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam hiện nay có dấu hiệu giảm thì không có nghĩa tình hình các tội XPTDTE ở nước ta đã được đẩy lùi.

Đồng thời, nhìn vào bảng số liệu có thể thấy rằng trong giai đoạn 5 năm từ 2012 đến 2016; số vụ phạm tội tăng nhiều hơn số bị cáo. Nếu phân tích cụ thể trong kỳ 3 năm gần đây 2014 đến 2016, trong xu hướng tình hình các tội XPTDTE có xu hướng giảm thì số bị cáo giảm nhiều hơn số vụ phạm tội. Từ đó ta có thể nhận định rằng, việc

giảm số bị cáo nhiều hơn số vụ là do tình hình tội XPTDTE trong giai đoạn này có chiều hướng tinh vi, xảo quyệt, khó bị phát hiện hơn so với thời điểm các năm trước.

Đi sâu nghiên cứu từng tội phạm cụ thể trong nhóm tội XPTDTE ở Việt Nam từ 2012 đến 2016 thì diễn biến từng tội phạm cũng có sự thay đổi khác nhau.

Bảng 2.8. Diễn biến các tội phạm cụ thể của nhóm các tội XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Hiếp dâm TE		Cưỡng dâm TE		Giao cấu với TE		Dâm ô Với TE	
	Số vụ và bị cáo	Tỷ lệ	Số vụ và bị cáo	Tỷ lệ	Số vụ và bị cáo	Tỷ lệ	Số vụ và bị cáo	Tỷ lệ
2012	558/651	100/100	5/5	100/100	596/613	100/100	144/145	100/100
2013	656/751	117,5/115,3	2/2	40/40	694/733	116,4/119,5	206/208	143/143,4
2014	661/789	118,4/121,2	4/4	80/80	841/865	141,1/141,1	253/255	175,7/175,8
2015	526/590	94,2/90,6	4/4	80/80	852/876	142,9/142,9	207/208	143,7/143,4
2016	440/479	78,8/73,6	1/1	20/20	819/860	137,4/140,3	177/180	122,9/124,1

(Nguồn: Vụ Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng số liệu trên có thể thấy diễn biến của từng tội phạm cụ thể bao gồm: Hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS), Cưỡng dâm trẻ em (Điều 114 BLHS), Giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS), Dâm ô với trẻ em (Điều 116 BLHS) trong 5 năm đều có xu hướng tăng. Tuy nhiên diễn biến cụ thể của từng tội trong từng giai đoạn thống kê khác nhau lại thay đổi khác nhau.

- Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS): từ 2012 đến 2014 có xu hướng tăng đều cả về số vụ và số bị cáo phạm tội (năm 2014 tăng 118,4% số vụ và 21,2% số bị cáo so với năm 2012). Từ năm 2014 đến 2016 tội phạm này có xu hướng giảm đều (năm 2016 giảm 33,5% số vụ và 39,3% số bị cáo so với năm 2014).

- Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114 BLHS): qua 5 năm tỷ lệ số vụ và số bị cáo phạm tội này giảm mạnh (năm 2016 giảm 80% cả số vụ và số bị cáo so với năm 2012). Trong đó chỉ có giai đoạn 2013-2014 số vụ và bị cáo tăng từ 40% lên 80% so với năm 2012.

- Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS): từ 2012 đến 2015 tội phạm này có chiều hướng tăng đều (năm 2015 tăng 42,9% số vụ và 42,9% số bị cáo so với 2012) và tăng mạnh nhất là giai đoạn 2013-2014. Sau đó từ 2015 đến 2016, tội phạm này có chiều hướng giảm.

- Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116 BLHS): Từ 2012 đến 2014 tội phạm này tăng rất mạnh (năm 2014 tăng 75,7% số vụ và 75,8% số bị cáo so với năm 2012). Từ 2014 đến 2016, tội phạm này lại có chiều hướng giảm khá nhiều (năm 2016 giảm 30% số vụ và số bị cáo so với năm 2014).

Như vậy, có thể rút ra nhận định: trong giai đoạn 2012-2014 nhóm các tội XPTDTE tăng là do tội hiếp dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em, dâm ô với trẻ em tăng mạnh, đặc biệt là tội dâm ô với trẻ em tăng đột biến. Giai đoạn 2014-2016 nhóm các tội XPTDTE có chiều hướng giảm do cả 4 tội cụ thể đều có xu hướng giảm, đặc biệt tội dâm ô với trẻ em và cưỡng dâm với trẻ em có tỷ lệ giảm rất mạnh.

2.2.3. Cơ cấu của tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016

a) Cơ cấu tội phạm XPTDTE theo tội danh cụ thể:

Như đã phân tích ở Chương 1, nghiên cứu các tội XPTDTE ở Việt Nam là bao gồm nghiên cứu 4 tội phạm cụ thể, bao gồm: Hiếp dâm trẻ em, Cưỡng dâm trẻ em, Giao cấu với trẻ em, Dâm ô với trẻ em

Bảng 2.9. Cơ cấu THTP XPTDTE theo tội danh ở Việt Nam từ 2012 đến 2016

Năm	Tổng số tội phạm XPTDTE		Hiếp dâm trẻ em		Cưỡng dâm trẻ em		Giao cấu với trẻ em		Dâm ô với trẻ em	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	1303	1414	558	651	5	5	596	613	144	145
2013	1558	1694	656	751	2	2	694	733	206	208

2014	1759	1913	661	789	4	4	841	865	253	255
2015	1589	1678	526	590	4	4	852	876	207	208
2016	1437	1520	440	479	1	1	819	860	177	180
Tổng	7646	8219	2841	3260	16	16	3802	3947	987	996
Tỷ lệ	100%	100%	37,1	39,6	0,2	0,2	49,7	48	13	12,2

(Nguồn: Vụ Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng số liệu 1.9 cho thấy, trong 5 năm từ 2012 đến 2016 trên cả nước đã xét xử 7646 vụ với 8219 bị cáo về tội phạm XPTDTE. Trong đó, tội danh hiếp dâm trẻ em là 2841 vụ (chiếm 37,1%) và 3260 bị cáo (chiếm 39,6%), tội cưỡng dâm trẻ em là 16 vụ (chiếm 0,2%) và 16 bị cáo (chiếm 0,2%), tội giao cấu với trẻ em là 3802 vụ (chiếm 49,7%) và 3947 bị cáo (chiếm 48%), tội dâm ô với trẻ em là 987 vụ (chiếm 13%) và 996 bị cáo (chiếm 12,2%). Số liệu này cho thấy trong nhóm tội này, tội phạm về giao cấu với trẻ em chiếm tỷ lệ cao nhất (gần 50% về cả số vụ và số bị cáo), tiếp sau đó là tội phạm hiếp dâm trẻ em, sau đó là tội dâm ô với trẻ em, tỷ lệ thấp nhất là tội cưỡng dâm trẻ em (hàng năm số vụ án phạm tội này đều rất ít, có năm chỉ có duy nhất 1 vụ/ 1 bị cáo). Sự chênh lệch trong cơ cấu theo tội danh trong nhóm tội này là rất lớn. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc đưa ra chính sách nhằm đấu tranh phòng ngừa THTP này.

b) Cơ cấu tội phạm XPTDTE xét theo phương thức thực hiện phạm tội

Bảng 2.10. Cơ cấu THTP XPTDTE ở Việt Nam theo phương thức, thủ đoạn gây án từ năm 2012-2016

Tổng số vụ án nghiên cứu	Phương thức thủ đoạn gây án trong các vụ XPTDTE											
	Lợi dụng trẻ em ở nhà 1 mình		Dụ dỗ đi ăn, đi hát, đi chơi, cho quà		Lên mạng Internet làm quen		Dụ dỗ trẻ em về nhà, vào nhà nghỉ tâm sự		Đợi sẵn ở nơi vắng vẻ		Thủ đoạn khác	
	Số vụ	Tỷ lệ	Số vụ	Tỷ lệ	Số vụ	Tỷ lệ	Số vụ	Tỷ lệ	Số vụ	Tỷ lệ	Số vụ	Tỷ lệ
200	85	42,5	70	35	40	20	30	15	5	2,5	30	15

(Nguồn: Phòng Hồ sơ lưu trữ Tòa án nhân dân tối cao)

Qua nghiên cứu hồ sơ 200 vụ án cho thấy, các đối tượng phạm tội thường sử dụng các phương thức thủ đoạn sau để XPTDTE:

Một là, đối tượng phạm tội lợi dụng trẻ em ở nhà một mình để thực hiện hành vi xâm phạm tình dục: 85 vụ, chiếm 42,5%;

Hai là, đối tượng phạm tội dụ dỗ đi ăn uống, đi chơi, đi hát karaoke cho quà: 70 vụ, chiếm 35%;

Ba là, đối tượng phạm tội lên mạng Internet làm quen với trẻ em để dụ dỗ: 40 vụ, chiếm 20%;

Bốn là, đối tượng phạm tội dụ dỗ nạn nhân về nhà, về phòng trọ của mình, vào nhà nghỉ tâm sự: 30 vụ, chiếm 15%;

Năm là, đối tượng phục sẵn ở nơi vắng người qua lại, vào thời điểm vắng vẻ để thực hiện hành vi XPTDTE: 5 vụ, chiếm 2,5%

Còn lại là các thủ đoạn khác: chiếm 15%

c) Cơ cấu tội phạm XPTDTE xét theo đơn vị hành chính lãnh thổ ở Việt Nam giai đoạn 2012- 2016

Để nghiên cứu về cơ cấu THTP theo đơn vị hành chính lãnh thổ ở nước ta hiện nay, luận văn tập trung nghiên cứu dựa vào số vụ án và số bị cáo đã đưa ra xét xử về tội phạm XPTDTE theo vùng miền. Trong đó, Việt Nam sẽ chia thành 6 vùng: Đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), Trung du và miền núi phía Bắc (14 tỉnh), Bắc Trung bộ và Duyên hải (14 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), Tây Nguyên (5 tỉnh), Đông Nam Bộ (6 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), Đồng bằng sông Cửu Long (13 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

Bảng 2.11. Cơ cấu tình hình tội XPTDTE theo vùng miền ở Việt Nam từ 2012 đến 2016

Vùng	Tội phạm XPTDTE		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
Đồng bằng sông Hồng	749	836	9,8%	10,2%
Trung du miền núi PB	989	1107	12,9%	13,5%
Bắc Trung Bộ và Duyên hải	918	1008	12%	12,2%
Tây Nguyên	671	729	8,7%	8,9%
Đông Nam Bộ	1943	2037	25,4%	24,8%
ĐB sông Cửu Long	2376	2502	31,2%	30,4%
Tổng số	7646	8219	100%	100%

(Nguồn: Vụ Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng số liệu 1.11 cho thấy THPT XPTDTE có sự phân hóa khác nhau giữa các vùng miền. Trong đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có số vụ phạm tội và tỷ lệ cao nhất với 2376 vụ (chiếm tỷ lệ 31,2%), thứ 2 là các tỉnh Đông Nam Bộ với 1943 vụ (chiếm 25,4%), tiếp đến là Trung du miền núi phía Bắc với tỷ lệ 12,9%, Bắc Trung Bộ và Duyên hải với tỷ lệ 12%, Đồng bằng sông Hồng 9,8%, thấp nhất là Tây Nguyên với 8,7% số vụ phạm tội. Mức chênh lệch về tình hình phạm tội XPTDTE giữa các vùng miền là khá lớn, tội phạm xảy ra chủ yếu tại các tỉnh thuộc miền Nam bao gồm Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Để thấy rõ hơn THPT XPTDTE có sự khác nhau theo từng vùng miền, ta nghiên cứu sâu thêm về hệ số thực hiện tội phạm trong 5 năm là tỷ lệ trọng giữa số lượng tội phạm đã xảy ra trên số lượng 100.000 dân cư (tính trên số dân của năm 2016)

Bảng 2.12. Cơ số về mức độ của THTP XPTDTE trên cơ sở số dân theo từng vùng miền ở Việt Nam trong 5 năm

Vùng	Tổng số bị cáo bị xét xử về TPXPTDTE	Tổng dân số (nghìn người)	Cơ số tội phạm XPTDTE
Đồng bằng sông Hồng	836	103085	0,81
Trung du miền núi PB	1107	582114	0,19
Bắc Trung Bộ và Duyên hải	1008	97354,7	1,03
Tây Nguyên	729	27477,1	2,65
Đông Nam Bộ	2037	78245	2,6
ĐB sông Cửu Long	2502	87467,5	2,86
Tổng số	8219	453702,6	1,15

(Nguồn: Vụ Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao, Tổng cục Thống kê)

Qua bảng số liệu 1.12 cho thấy xét trên địa bàn cả nước trong 5 năm từ 2012 đến 2016 hệ số thực hiện tội phạm trong khoảng 100.000 người thì có khoảng 1,15 người phạm tội XPTDTE. Tuy nhiên ở các vùng miền khác nhau thì hệ số thực hiện tội phạm này có sự phân hóa rõ nét. Tỷ lệ tội phạm (chiếm 30,4% số bị cáo phạm tội cả nước) và hệ số thực hiện tội phạm trên 100.000 dân cư cao nhất (2,56 người phạm tội) là Đồng bằng sông Cửu Long. Mặc dù tỷ lệ bị cáo phạm tội XPTDTE ở Tây Nguyên so với cả nước là thấp nhất (8,9%), song hệ số thực hiện tội phạm này ở Tây Nguyên lại rất cao, đứng thứ 2 chỉ sau Đồng bằng sông Cửu Long với 2,65 người phạm tội trên 100.000 dân. Đứng thứ 3 về hệ số thực hiện tội phạm này là Đông Nam Bộ với 2,6 người phạm tội, tiếp đến là Bắc trung Bộ với 1,03 người phạm tội, Đồng bằng sông Hồng hệ số thấp với 0,81 người phạm tội và thấp nhất là Trung du miền núi phía Bắc với hệ số 0.19 người phạm tội.

Việc nghiên cứu kết hợp giữa tỷ lệ phạm tội và hệ số thực hiện tội phạm XPTDTE ở từng vùng miền trên lãnh thổ nước ta đã đưa ra cho chúng ta bức tranh chung khái quát về tình hình của tội phạm này trên diện rộng và đặc điểm cụ thể của từng vùng miền khác nhau. Tình hình nhóm tội này nổi cộm lên, tập trung chủ yếu ở

Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Tây Nguyên. Có thể thấy đây là hai vùng miền có nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là nông nghiệp, với địa hình sông nước và địa hình núi nên tập quán sống còn lạc hậu, hủ tục còn nhiều, trình độ văn hóa của dân cư nhìn chung thấp, đó là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc các tội phạm xâm phạm về nhân phẩm, danh dự con người diễn ra nhiều, trong đó có các tội phạm XPTDTE. Điều này đặt bài toán cho các nhà nghiên cứu và cả Nhà nước đưa ra các giải pháp đặc thù gắn với thực trạng, truyền thống từng vùng miền để nâng cao đời sống người dân cũng như kiềm chế tội phạm nói chung và tội phạm XPTDTE nói riêng.

d) Cơ cấu tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay theo hình phạt đã áp dụng

Bảng 2.13. Cơ cấu về hình phạt của những người phạm tội xâm phạm tình dục đã qua xét xử ở Việt Nam từ 2012 đến 2016

Năm	Hình phạt đối với các bị cáo đã bị xét xử						
	Cải tạo không giam giữ hoặc Đưa vào trường giáo dưỡng	Cho hưởng án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù từ 3 đến 7 năm	Tù từ 7 đến 15 năm	Tù từ 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân và tử hình
2012	2	121	498	351	340	98	10
2013	1	163	611	416	379	113	10
2014	2	139	794	423	432	106	16
2015	2	162	737	390	304	71	10
2016	0	158	698	354	242	64	2
Tổng	7	743	3338	1934	1697	452	48

(Nguồn: Vụ Tổng hợp – TANDTC)

Qua số liệu trên đây cho thấy hình phạt áp dụng cho các bị cáo phạm tội XPTDTE hầu hết là hình phạt tù có thời hạn, từ đó đã cho thấy sự quyết tâm đẩy lùi THTP XPTDTE ở Việt Nam. Trong 05 năm (giai đoạn từ 2012 đến 2016) số trường hợp bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc đưa vào trường giáo dưỡng rất ít (0,08%). Hình phạt chủ yếu từ trên 3 năm trở xuống chiếm 40,6%, từ trên 3 năm đến 7 năm chiếm 23,5%, từ trên 7 năm đến 15 năm chiếm 20,6 %; hình phạt tù từ 15 đến 20 năm là 5,5% và hình phạt nặng nhất là chung thân tử hình có 48 bị cáo (chiếm 0,6%). Bên cạnh đó, án treo cũng được Tòa án áp dụng với tỷ lệ là 9% trong tổng số hình phạt được áp dụng. Ngoài ra, khi xét xử các bị cáo phạm tội XPTDTE, Tòa án nhân dân còn áp dụng hình phạt bổ sung theo đúng quy định của pháp luật, trong đó áp dụng nhiều nhất là hình phạt bổ sung phạt tiền đối với người phạm tội.

e) Cơ cấu THTP XPTDTE xét theo đặc điểm nhân thân người phạm tội

- Đặc điểm theo độ tuổi người phạm tội

Dựa vào việc phân tích này, luận văn sẽ làm rõ hơn mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội theo độ tuổi, giải quyết đúng đắn trách nhiệm hình sự của tội phạm. Cơ cấu theo độ tuổi của THTP XPTDTE thông qua bảng số liệu như sau:

Bảng 2.14: Cơ cấu theo độ tuổi người phạm tội của THTP XPTDTE ở Việt Nam

Năm	Người chưa thành niên		Từ 18 đến 30 tuổi	Trên 30 tuổi
	14-16 tuổi	16-18 tuổi		
2012	38	95	519	762
2013	40	115	679	860
2014	28	100	766	1019
2015	23	79	581	995
2016	38	101	535	846
Tổng cộng	167	490	3080	4482

(Nguồn: Vụ Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao)

Từ Bảng 1.14 trên có thể thấy cơ cấu về độ tuổi của tội phạm XPTDTE ở Việt Nam tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi trên 30 (chiếm 54,5%), đây thường là những người đã phát triển hoàn thiện cả về thể chất và nhận thức, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế, đặc biệt là nhóm thất nghiệp, nhóm người đã có kinh nghiệm sống nên có điều kiện dễ dể dụ dỗ, lừa gạt, XPTDTE... nên nhóm tuổi này vẫn chiếm tỷ lệ rất cao trong

các tội XPTDTE. Tiếp đến là độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi cũng chiếm tỷ lệ cao (37,5%), đây là nhóm tuổi thanh niên mới lớn, đua đòi, sự phát triển về thể chất kết hợp với sự tò mò về giới tính, chưa có nhiều kinh nghiệm sống nên dễ hấp thụ những văn hóa đồi trụy, văn hóa xấu nên dễ dàng trở thành tội phạm XPTDTE. Điều này thể hiện nét đặc thù trong sự phát triển tâm lý, nhận thức của lứa tuổi dậy thì và tình nguy hiểm cao của nhóm tội phạm này. Đặc biệt đáng chú ý đối với đối tượng phạm tội là người chưa thành niên còn nhiều (8%), có cả trường hợp từ 14-16 tuổi cũng tham gia chiếm 2% trong tổng số bị cáo đã xét xử; nhóm đối tượng này chủ yếu phạm tội hiếp dâm trẻ em và giao cấu với trẻ em; do đây là nhóm chưa có sự phát triển hoàn thiện về cả thể chất, tinh thần lẫn nhận thức, phạm tội theo tính chất nông nổi.

- Đặc điểm theo trình độ văn hóa của người phạm tội.

Bảng 2.15. Thống kê trình độ văn hóa của người phạm tội XPTDTE ở Việt Nam từ 2012-2016

Stt	Trình độ văn hóa	Số bị cáo	Tỷ lệ
1	Không biết chữ	43	21,5%
2	Tiểu học	48	24%
3	Trung học cơ sở	86	43%
4	Trung học phổ thông	14	7%
5	Trung cấp, cao đẳng, đại học...	9	4,5%

(Nguồn: Phòng Lưu trữ hồ sơ TANDTC)

Trong tổng số 200 bản án về XPTDTE đã nghiên cứu với 200 bị cáo phạm tội XPTDTE đã bị xét xử thì đa số tội phạm có trình độ trung học cơ sở (chiếm 43%), trình độ tiểu học (24%), không biết chữ (21,5%), trung học phổ thông (7%), còn lại là có trình độ trung cấp, đại học...(4,5%). Từ đặc điểm này cho thấy, những người có trình độ văn hóa thấp có nguy cơ phạm tội xâm phạm tình dục càng cao. Do các đối tượng này thường công việc không ổn định, dễ tụ tập chơi bời, nhận thức xã hội và hiểu biết pháp luật thường kém hơn các đối tượng có trình độ văn hóa cao hơn.

- Đặc điểm theo nghề nghiệp của người phạm tội.

Bảng 2.16: Cơ cấu THTP XPTDTE xét theo nghề nghiệp của người phạm tội

Nghề nghiệp	Số bị cáo phạm tội XPTDTE	Tỉ lệ
Lao động tự do	85	42,5%
Nông dân	51	25,5%
Không nghề nghiệp	42	21%
Học sinh, sinh viên	15	7,5%
Cán bộ, công chức	7	3,5%

(Nguồn: Phòng Lưu trữ hồ sơ TANDTC)

Trong 200 bị cáo bị xét xử phạm tội XPTDTE trong 200 vụ án nghiên cứu thì phần lớn các bị cáo lao động tự do chiếm tỷ lệ cao nhất (42,5%), bị cáo là nông dân chiếm 25,5%, bị cáo không có nghề nghiệp chiếm 21%, còn lại là học sinh sinh viên và cán bộ công chức.

Theo số liệu trên thì số người phạm tội XPTDTE chiếm đa số là những người thất nghiệp không có việc làm hoặc có việc nhưng không ổn định và người làm nông (chiếm đến gần 90%).

- Đặc điểm theo tái phạm, tái phạm nguy hiểm của người phạm tội

Bảng 2.17. Cơ cấu THTP XPTDTE xét theo đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm

Năm	Tổng số bị cáo phạm tội XPTDTE	Bị cáo tái phạm, tái phạm nguy hiểm	
		Số bị cáo	Tỷ lệ
2012	1414	10	0,7%
2013	1694	11	0,65%
2014	1913	18	0,94%
2015	1678	18	1,07%
2016	1520	14	0,92%
Tổng	8219	71	0,86%

(Nguồn: Vụ Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng 1.17 ta thấy, hầu hết các bị cáo phạm tội XPTDTE đều là phạm tội lần đầu (trên 99%), số bị cáo tái phạm, tái phạm nguy hiểm trong nhóm tội phạm này hầu như rất ít (chưa đến 1%). Có thể quan điểm xử lý của cơ quan chức năng đối với một số đối tượng vẫn chưa triệt để, nhiều đối tượng cần thiết phải xử lý nghiêm minh để tránh tạo tâm lý xem thường pháp luật, tiếp tục phạm tội và gây nguy hiểm cho xã hội.

- Đặc điểm dân tộc của người phạm tội.

Bảng 2.18: Cơ cấu THTP XPTDTE xét theo dân tộc của bị cáo

Năm	Tổng số bị cáo phạm tội XPTDTE	Số bị cáo là dân tộc thiểu số	
		Số bị cáo	Tỷ lệ
2012	1414	107	7,56%
2013	1694	169	9,97%
2014	1913	172	9%
2015	1678	117	7%
2016	1520	150	9,86%
Tổng	8219	715	8,7%

(Nguồn: Vụ Tổng hợp – Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng số liệu trên cho thấy, trong vòng 5 năm qua, bị cáo phạm tội XPTDTE chủ yếu là dân tộc Kinh (chiếm tỷ lệ 91,3%), số bị cáo là người dân tộc thiểu số chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (8,7%).

f) Cơ cấu THTP XPTDTE xét theo đặc điểm nhân thân người bị hại là trẻ em

Nạn nhân bị xâm hại trong các vụ án xâm phạm tình dục trẻ em chủ yếu là trẻ em gái, theo thống kê của Bộ Công an trong năm 2016, số nạn nhân bị XPTD là trẻ em gái trong cả nước là 1358 người (chiếm 84%). Như vậy trong thời gian gần đây, tình trạng trẻ em nam bị XPTD đã xuất hiện và diễn ra ngày càng nhiều. Đó cũng là hồi chuông báo động cho thực trạng ngày càng phức tạp, nguy hiểm của loại tội phạm này.

- Xét theo độ tuổi của trẻ em là nạn nhân

Bảng 2.19. Thống kê độ tuổi của nạn nhân trong các vụ án XPTDTE ở Việt Nam thời gian qua

STT	Tuổi nạn nhân	Số nạn nhân	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 6 tuổi	16	8%
2	Từ 6 đến dưới 13 tuổi	58	29%
3	Từ 13 đến dưới 16 tuổi	126	63%
4	Tổng	200	100%

(Nguồn: Phòng Lưu trữ hồ sơ TANDTC)

Qua bảng số liệu trên cho thấy phần lớn trẻ em bị XPTD nằm trong độ tuổi từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (chiếm 63%), tiếp đến là trẻ từ 6 tuổi đến dưới 13 tuổi (29%), còn lại trẻ dưới 6 tuổi là 8%. Mặc dù tỷ lệ nạn nhân bị XPTD là những trẻ em dưới 6 tuổi không cao, song nó cũng phản ánh mức độ nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng của loại tội phạm này, bởi nhóm trẻ em mẫu giáo này còn quá nhỏ, thể chất còn non nớt chưa hoàn thiện, nếu bị XPTD sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển thể chất và tâm lý cả cuộc đời sau này. Nhóm nạn nhân bị xâm hại nhiều nhất từ 13 đến dưới 16 tuổi là do nhóm trẻ này thời nay cũng đã có sự phát triển mạnh về thể chất, “phồng phao” như người lớn cùng với đặc tính lứa tuổi mới lớn ngang bướng, thích tìm hiểu mọi thứ, nhóm này là những trẻ em rất dễ bị đối tượng xấu dụ dỗ nên dễ trở thành đối tượng bị XPTD nhất.

- Xét theo mối quan hệ giữa nạn nhân và đối tượng phạm tội

Bảng 2.20. Thống kê theo quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội trong các vụ án XPTDTE ở Việt Nam thời gian qua

STT	Quan hệ với nạn nhân	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
1	Bố đẻ, bố dượng	13	6,5%
2	Quan hệ thân thích (ông, bác, chú, anh em)	16	8%
3	Bạn bè	83	41,5%
4	Hàng xóm hoặc có quen biết trước	63	31,5%
5	Không quen biết trước	25	12,5%

(Nguồn: Phòng Lưu trữ hồ sơ TANDTC)

Qua nghiên cứu 200 vụ án XPTDTE và lọc ra theo quan hệ giữa nạn nhân và đối tượng phạm tội cho thấy đa số đối tượng phạm tội là người có quan hệ hoặc quen biết từ trước với nạn nhân (chiếm 87,5%), các đối tượng này đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân để dụ dỗ và thực hiện hành vi phạm tội. Điều này đặt ra vấn đề khi tổ chức các hoạt động phòng ngừa phải đặc biệt coi trọng biện pháp nâng cao ý thức đạo đức xã hội, tôn trọng nhân phẩm danh dự con người, đồng thời giáo dục cho mọi người dân nâng cao tinh thần cảnh giác đấu tranh với những đối tượng có nguy cơ phạm tội cao này.

2.2.4. Tính chất của thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam

Từ kết quả nghiên cứu định lượng và định tính đối với THTP XPTDTE ở Việt Nam giai đoạn 2012 – 2016 cho chúng ta có những nhận xét về tính chất của hiện tượng tiêu cực này như sau:

Diễn biến THTP có sự tăng giảm khác nhau giữa các năm. Giai đoạn 2012-2014 số vụ án và số bị cáo phạm tội được đưa ra xét xử có chiều hướng tăng. Nhưng đến giai đoạn 2014-2016 thì số vụ án và bị cáo phạm tội có chiều hướng giảm dần, tuy nhiên vẫn ở mức cao so với năm 2012. Điều đó cho thấy THTP này ở Việt Nam hiện nay vẫn hết sức phức tạp.

Tội phạm thường được thực hiện dưới hình thức tội phạm đơn lẻ, hoặc chỉ có một số ít các vụ án xảy ra dưới dạng đồng phạm giản đơn, trung bình trong số những vụ án các Tòa án nhân dân đã xét xử trong thời gian qua tỉ lệ 1:1,07 (vụ/bị cáo).

Đồng bằng sông Cửu Long , Đông Nam Bộ là nơi có số vụ phạm tội XPTDTE nhiều nhất cả nước, ngoài ra còn có Tây Nguyên là nơi có cơ số tội phạm trên dân số cao. Xuất phát từ trình độ phát triển kinh tế, đặc thù tự nhiên sông nước, trình độ dân trí thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế là những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này.

Phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm XPTDTE thường là lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước với nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân, sau đó các đối tượng sẽ lợi dụng lúc các em ở nhà một mình, hoặc dụ dỗ đi chơi, đi ăn uống, đi hát để thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Hình phạt Tòa án đã tuyên đối với các bị cáo phần lớn là hình phạt tù có thời hạn, phổ biến trong khung hình phạt dưới 3 năm tù và từ 3 năm 15 năm, đặc biệt trong 5 năm có 48 bị cáo bị xử phạt tù chung thân hoặc tử hình. Có thể nói THPT XPTDTE chủ yếu thuộc loại tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng.

Tính chất nguy hiểm rất cao của các tội phạm THPTDTE còn thể hiện qua hậu quả của loại tội phạm này. Các tội này không những chà đạp lên danh dự, nhân phẩm nạn nhân, tác hại đến sức khỏe, tính mạng của họ mà còn phá hoại nặng nề tình cảm con người trong hiện tại và tương lai; có ảnh hưởng rất xấu đến đạo đức, tâm lý xã hội. Sau khi xảy ra hành vi tấn công tình dục thì các nạn nhân là trẻ em là người phải chịu đựng nỗi đau thể xác và tinh thần rất lớn. Rất nhiều bé gái phải đến bệnh viện để nạo phá thai ngoài ý muốn, đồng thời nguy cơ cao các bé bị lây nhiễm các bệnh qua đường tình dục. Các trẻ em gái khi mà ở độ tuổi này tâm sinh lý chưa phát triển đầy đủ, các hành vi đồi bại của bọn phạm tội ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển tâm sinh lý. Theo kết quả của cuộc khảo sát đối với trẻ em bị xâm phạm tình dục do tổ chức Ecpat tài trợ, hầu hết các em đều rơi vào trạng thái bị chấn thương về tinh thần như: sợ hãi (48,8%), cảm phẫn (14,3%), hổ thẹn (19,7%), tuyệt vọng (14,3%), buông thả bất cần đời (12,3%) [18, tr.107]. Nghiêm trọng hơn có những trường hợp thương tâm sau khi bị xâm hại tình dục, các em bị tổn thương quá nặng nề đã tự tử tìm đến cái chết. Một vài nghiên cứu của các nhà tội phạm học cho biết mối quan hệ giữa các bé gái bị lạm dụng tình dục khi còn bé với nguy cơ sau đó các em đi vào con đường mại dâm rất cao. Hậu quả của tội phạm xâm phạm tình dục gây ra không chỉ là những nỗi đau cho chính các em mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các thành viên trong gia đình. Đó là nỗi đau của những người cha, người mẹ khi phải chứng kiến cảnh đứa con nhỏ trong trạng thái hoảng loạn vì bị chấn thương về mặt tinh thần và thể xác. Tương lai của các em sẽ ra sao khi hàng ngày phải đối mặt với bạn bè, những người xung quanh và không ít những người không có tấm lòng cảm thông chia sẻ.

Số vụ án và bị cáo trong giai đoạn 2014-2016 có giảm so với giai đoạn trước đó 2012-2014. Tuy nhiên để đánh giá tình hình này khách quan hơn, chúng ta sẽ nghiên cứu THPT ần để làm rõ nguyên nhân số vụ án THPTDTE đưa ra xét xử ở Việt Nam giảm so với giai đoạn 03 năm trước đó.

2.3. Phần ẩn của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016

Tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam như đã phân tích bên trên mới chỉ thể hiện được phần các tội phạm được các cơ quan chức năng phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử, đưa vào thống kê hình sự. Trên thực tế, còn một phần đáng kể khác của tội phạm này đã xảy ra, nhưng vì nhiều lý do khác nhau mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành chưa phát hiện được, hoặc vụ việc chưa được xử lý, chưa được đưa vào thống kê hình sự. Đó chính là một phần của tội phạm ẩn và sai số thống kê hình sự. Tội phạm học Việt Nam hiện nay xác định, trong điều kiện thực tế ở nước ta đang tồn tại 3 loại tội phạm ẩn: tội phạm ẩn khách quan, tội phạm ẩn chủ quan và tội phạm ẩn thống kê [14, tr.75]. Chúng ta cần phải làm rõ thông qua các tiêu chí (độ ẩn, lý do ẩn, tỷ lệ ẩn, thời gian ẩn, vùng ẩn) khi nghiên cứu hiện trạng của THTP cụ thể mà ở đây là THTP XPTDTE. Làm rõ các tiêu chí ẩn đối với bất kỳ tiêu chí nào đều rất cần thiết, trọng phạm vi luận văn này sẽ sơ lược tóm tắt các nội dung liên quan đến tội phạm ẩn trên cơ sở đối chiếu số liệu thống kê, để khẳng định rằng là tồn tại tội phạm ẩn của THTP XPTDTE ở Việt Nam.

Bảng 2.21. Tỷ lệ tội phạm ẩn của THTP XPTDTE ở Việt Nam từ 2014-2016

Năm	Khởi tố		Truy tố		Xét xử	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị cáo
2014	1832	1846	1791	1861	1692	1835
2015	1613	1600	1564	1651	1564	1642
2016	1514	1483	1339	1403	1381	1449

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao)

Qua bảng số liệu trên cho thấy số vụ án và số bị can bị cơ quan Công an khởi tố luôn lớn hơn số vụ án và số bị can bị Viện kiểm sát truy tố và lớn hơn số vụ án Tòa án đưa ra xét xử [18, tr.2]. Có nhiều lý do dẫn đến tình trạng này, trong đó có thể do hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm do luật hình sự quy định tức là mặc dù thực tế hành vi phạm tội có xảy ra nhưng do thời gian xảy ra đã lâu nên không chứng minh được hành vi phạm tội... Tỷ lệ các vụ án được đưa ra xét xử so với số vụ án bị khởi tố là 92,4%, như vậy tỷ lệ ẩn trong THTP XPTDTE ở Việt Nam là 7,6%.

- Tội phạm ản khách quan:

Tội phạm ản khách quan trong các vụ án XPTDTE chủ yếu là tội phạm ản khách quán xuất phát từ phía bị hại. Thực tế có nhiều trường hợp phía gia đình trẻ em bị hại không trình báo vụ việc với cơ quan chức năng. Nguyên nhân chủ yếu là do sợ dư luận, ảnh hưởng danh dự, đạo đức, họ muốn giữ bí mật để con em mình không mặc cảm, tiếp tục đến trường với bạn bè. Ngoài ra, cũng có nhiều trường hợp gia đình không dám tố giác vì bị đe dọa, không chế hoặc sợ bị trả thù. Có trường hợp các em còn quá ngây thơ, không nhận thức được mình bị xâm hại nên không tố giác. Cũng có nhiều vụ việc hai bên tự xử lý bồi thường bằng vật chất, không cần đến sự can thiệp của pháp luật... Sự tồn tại của tội phạm ản còn do từ phía gia đình người bị hại đã chấp nhận sự thỏa thuận, sự bồi thường của người phạm tội mà không đưa vụ việc này ra trước pháp luật. Điều này xuất phát từ tâm lý muốn bảo vệ danh dự của gia đình, dòng họ hoặc sợ gia đình bên kia trả thù...

- Về tội phạm ản chủ quan:

Khác với tội phạm ản khách quan, tội phạm ản chủ quan có lý do ản xuất phát từ các chủ thể mà pháp luật đã quy định cho nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh chống tội phạm. Tội phạm ản chủ quan có thể được khái quát là toàn bộ các tội phạm đã xảy ra mà thông tin về chúng đã được các chủ thể trực tiếp đấu tranh chống tội phạm nắm được, song vì những lý do khác nhau, các tội phạm đó trong một thời gian nhất định hoặc vĩnh viễn không bị xử lý hoặc xử lý không đúng quy định của pháp luật.

Năng lực đấu tranh tội phạm của một số cán bộ thuộc các đơn vị chủ thể trực tiếp đấu tranh chống THTP XPTDTE còn hạn chế. Lực lượng trực tiếp đấu tranh còn mỏng, chưa được tổ chức thành lực lượng chuyên trách đủ mạnh (đây là lý do tồn tại tội phạm ản chủ quan vô ý), cũng có những cán bộ thoái hóa, biến chất tiếp tay hoặc che dấu tội phạm.

- Về tội phạm ản thống kê:

Trường hợp này xảy ra khi trong 01 bị cáo có đến 02 tội danh, và theo quan điểm của các cơ quan thực hiện công tác thống kê, bị cáo này sẽ được thống kê dựa trên tội có mức nghiêm trọng hơn. Ví dụ, một bị cáo vừa phạm tội hiếp dâm trẻ em, vừa phạm tội giết người thì khi thống kê sẽ chỉ thống kê 1 vụ, 1 bị cáo vào tội danh

giết người. Bên cạnh đó, có nhiều trường hợp, bị cáo thực hiện hành vi XPTDTE nhiều lần, song khi thống kê báo cáo tội phạm chỉ là 1 vụ phạm tội, những lần trước đó chính là số liệu tội phạm ẩn do sai số thống kê hình sự.

2.4. Dự báo tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam trong thời gian tới

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, để có thể đưa ra những dự báo về THTP XPTDTE trong năm 2017 cần phải dựa vào THTP XPTDTE trong giai đoạn hiện tại (từ năm 2012 đến năm 2016). Như vậy để đưa ra dự báo tình hình tội mua bán người trong thời gian tới cần phải có những phán đoán khoa học về khả năng diễn biến có thể xảy ra trong tương lai bao gồm: xu hướng, mức độ, cơ cấu, phương thức hoạt động, thủ đoạn phạm tội của tội phạm XPTDTE, để từ đó đề ra các giải pháp chủ động phòng, chống THTP XPTDTE trên địa bàn cả nước.

Trong phạm vi bài luận văn này, để đạt được sự chính xác và rõ ràng hơn tác giả sẽ sử dụng số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao theo từng tháng trong các kỳ thống kê để dự báo chính xác khả năng số vụ án và số bị cáo trong năm 2017. Giải quyết vấn đề này tác giả đã bóc tách số liệu trong 01 năm thống kê chia nhỏ ra 12 tháng. Tính trong giai đoạn 05 năm thống kê tác giả sẽ thu được số liệu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã xét xử trong 60 tháng.

Để dự báo số liệu vụ án và bị cáo trong năm 2017 tác giả sử dụng hàm Trend() trong excel để dự báo từng tháng trong năm 2017, bằng cách làm này tác giả thu được kết quả trong năm 2017 các Tòa án nhân dân địa phương xét xử khoảng trên 1200 vụ án mua bán người, và khoảng 1250 bị cáo.

Từ kết quả khảo sát ở trên, kết hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở nước ta, tác giả đưa ra một số dự báo thông qua các tiêu chí cụ thể như sau:

Thứ nhất, dự báo về mức độ của THTP XPTDTE ở Việt Nam trong thời gian tới có thể sẽ tiếp tục giảm nhẹ so với cùng kỳ các năm trước. Tuy nhiên điều đó không nói lên rằng THTP này sẽ ngày càng bị đẩy lùi hơn, với thông tin của các cơ quan chức năng thì số liệu các hành vi XPTDTE bị đưa ra xét xử như đã nêu trên chưa phản ánh hết mức độ thật sự của tình trạng XPTD đối với trẻ em ở Việt Nam, vì rất nhiều nạn

nhân vì nhiều lý do khác nhau đã không tố cáo hoặc vụ việc chưa được các cơ quan chức năng xử lý thỏa đáng hay công tác điều tra đối với nhiều trường hợp là rất khó khăn, không thể chứng minh được tội phạm. Mức độ và tính chất của loại tội phạm này có xu hướng ngày càng phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng hơn, báo động sự suy đồi đạo đức của một bộ phận người lớn trong xã hội.

Đặc biệt trong thời gian tới sẽ xuất hiện ngày càng nhiều loại tội phạm du lịch tình dục trẻ em. Loại tội phạm này diễn ra chủ yếu ở một số hình thức như du khách quốc tế tự tìm kiếm hoặc thông qua môi giới để thực hiện hành vi mua dâm, mua trinh, giao cấu, dâm ô với trẻ em; một số đối tượng tổ chức đường dây mua bán trẻ em để phục vụ các dịch vụ, đường dây sextour hoặc cung cấp các dịch vụ tình dục cho khách du lịch trong nước và quốc tế, v.v... Tình trạng này càng đặt ra nhiều khó khăn hơn cho các cơ quan chức năng Việt Nam trong việc phát hiện, xử lý các đối tượng phạm tội.

Thứ hai, về chủ thể thực hiện tội phạm: Đối tượng thực hiện tội phạm chủ yếu vẫn là nhóm người đã thành niên trên 18 tuổi; đặc biệt chiếm tỷ lệ cao nhất có khả năng phạm tội là trên 30 tuổi và vẫn tập trung vào số những người có trình độ văn hóa thấp, không nghề nghiệp hay nghề nghiệp không ổn định, người làm nông. Tuy nhiên thời gian tới, sẽ có sự gia tăng số các đối tượng có học thức cao, có công việc ổn định thực hiện hành vi XPTDTE, điều này lý giải bởi sự suy đồi trong lối sống ảnh hưởng của nền văn hóa lai căng, văn hóa phẩm đồi trụy tràn lan. Đây là cảnh báo lớn trong xã hội ngày càng hiện đại, xã hội vật chất hóa ngày nay.

Thứ ba, về thủ đoạn thực hiện tội phạm: Các đối tượng phạm tội vẫn sẽ sử dụng những thủ đoạn phổ biến là lợi dụng sự quen biết với nạn nhân từ trước, sau đó dùng vật chất để dụ dỗ đi chơi, mua quà, đi hát karaoke..., lợi dụng những lúc vắng người để thực hiện hành vi đồi bại của mình. Tuy không mới nhưng trong thời gian tới sẽ có nhiều vụ án nghiêm trọng hơn như đối tượng phạm tội sẽ sử dụng vũ lực cần thiết để giết chết nạn nhân sau khi xâm phạm tình dục hoặc sau khi hành vi phạm tội bị bại lộ. Ngoài ra, vì lợi ích vật chất rất lớn nên sẽ ngày càng có nhiều đối tượng môi giới sẵn sàng tìm mọi cách dụ dỗ, bắt ép, lừa gạt trẻ em để thông qua việc mua bán dâm, mua bán trinh để XPTDTE. Dưới sự phát triển của công nghệ điện thoại thông minh và internet, đối tượng phạm tội sẽ dễ dàng tiếp cận với nạn nhân để làm quen và thực hiện

hành vi phạm tội thông qua mạng xã hội, phần mềm thu thập thông tin cá nhân. Thực tế qua những vụ án XPTDTE đã xảy ra cho thấy, ngày càng có nhiều đối tượng có trình độ văn hóa cao, có hiểu biết pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và khả năng che dấu tội phạm cao. Nhiều vụ án là thầy giáo, nhân viên bảo vệ nhà trường xâm hại tình dục nhiều học sinh; người cao tuổi XPTDTE nhỏ tuổi; một số vụ hiếp dâm mang tính loạn luân như cha dượng hiếp dâm con riêng của vợ, cha đẻ hiếp dâm con gái ruột trong một thời gian dài. Đối tượng XPTDTE không chỉ là người Việt Nam mà cả người nước ngoài và xuất hiện XPTDTE trên môi trường mạng. Thủ phạm còn có trường hợp đe dọa hoặc dùng tiền hòa giải với gia đình của nạn nhân, khiến cho hành vi phạm tội không bị phát hiện, xử lý.

Thứ tư, về địa bàn xảy ra tội phạm: Tội phạm thường xảy ra tại khu vực nhà nạn nhân (chung cư, tập thể, khu dân cư vắng vẻ). Ngoài ra, ở nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn, quán karaoke cũng là những địa điểm rất nhiều đối tượng đã và sẽ lợi dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Từ đó đặt ra yêu cầu cần phải nâng cao năng lực quản lý, biện pháp quản lý của cơ quan chức năng đối với hoạt động dịch vụ có điều kiện nhà nghỉ, khách sạn, karaoke cũng là một trong những biện pháp hữu hiệu để kiềm chế khả năng tội phạm được thực hiện. Hiện nay, tội phạm XPTD xảy ra nhiều ở các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên, điều này cũng có các nguyên nhân xuất phát từ kinh tế, văn hóa, xã hội đặc thù. Các nhà nghiên cứu và các cơ quan chức năng khi đưa ra các giải pháp nhằm đấu tranh, phòng ngừa cần dựa vào đặc điểm riêng của từng vùng miền, dân cư.

Thứ năm, về nạn nhân: Trẻ em từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là đối tượng có khả năng cao nhất bị XPTD, xuất phát từ đặc điểm về tâm sinh lý mới lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi các văn hóa xấu, dễ bị lôi kéo dụ dỗ tạo điều kiện cho các đối tượng xấu thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng số trẻ em còn ở độ tuổi mầm non (dưới 6 tuổi) có xu hướng ngày càng tăng, đặc điểm này càng thể hiện mức độ nguy hiểm cao của loại tội phạm này. Đồng thời, tình trạng các bé còn nhỏ tuổi bị xâm hại tình dục còn là hồi chuông báo động đến tình trạng nhiều gia đình ở Việt Nam hiện nay vì mãi mê với công việc kiếm tiền nên thường xuyên bỏ bê con cái, để cho các em ở nhà một mình hoặc gửi cho người khác chăm sóc. Trẻ em bị XPTD hiện nay chủ yếu vẫn là các bé gái, thậm chí có cả những bé bị thiếu năng trí tuệ, song thực trạng các trẻ em trai bị xâm hại tình

dục ngày càng nhiều, đặt ra yêu cầu đối với các cơ quan chức năng trong việc xử lý tội phạm cũng như hỗ trợ đối với nạn nhân.

Thứ sáu: về cơ cấu theo tội danh: Nhóm tội phạm XPTDTE bao gồm 4 tội danh cụ thể, trong đó chiếm tỷ lệ cao vẫn chủ yếu là Giao cấu với trẻ em và Hiếp dâm trẻ em, thời gian tới tội danh Dâm ô với trẻ em có chiều hướng sẽ tăng mạnh.

Nhìn chung, THTP XPTDTE trong thời gian tới vẫn có những diễn biến phức tạp, ngày càng nghiêm trọng số vụ xảy ra trong thời gian tới giảm nhẹ so với những năm gần đây, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, tâm lý hoang mang của người dân. Tuy nhiên, cần tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ thị số 48 của Bộ chính trị, Nghị quyết số 09/NQ-CP của Chính phủ và các kế hoạch của Ban chỉ đạo 138/CP về công tác phòng, chống tội phạm gắn với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó đặc biệt chú trọng tới Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2013, Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Kết luận chương 2

Để có thể phân tích một cách cụ thể về tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay, tác giả đã trình bày sự khác biệt của vị trí địa lý, tình hình kinh tế, xã hội, dân cư của các vùng miền trên cả nước đã có sự ảnh hưởng lớn tới diễn biến của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên cả nước.

Trong 05 năm trở lại đây (từ năm 2012 đến năm 2016) tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên cả nước vẫn đang diễn biến rất phức tạp, theo chiều hướng ngày càng thủ đoạn nguy hiểm, vô đạo đức và ngày càng khó phát hiện hơn. Điểm nóng nhất của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên cả nước là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên. Theo số liệu thống kê của TANDTC, từ năm 2014 đến năm 2016 tình hình các tội XPTDTE ở Việt Nam có xu hướng giảm. Điều này không có nghĩa rằng tình hình các tội XPTDTE bị đẩy lùi, mà có thể trong năm qua phần ẫn chiếm tỷ lệ cao do nhiều nguyên nhân khác nhau. Khi lực lượng chức

năng tiến hành mạnh tay trong các đợt truy quét thì phát hiện ra nhiều tội phạm, hoặc khi một số vụ án nghiêm trọng được các cơ quan ngôn luận đưa thông tin khiến dư luận xã hội bất bình thì nhiều gia đình mới lên tiếng tố cáo hành vi xâm hại tình dục của các đối tượng xấu, còn đến khi thực hiện xong chương trình, kế hoạch thì số lượng tội phạm trong các vụ án XPTDTE lại giảm xuống.

Việc nghiên cứu các đặc điểm của tình hình các tội XPTDTE về mặt hình thức thực hiện tội phạm bao gồm nghiên cứu cơ cấu của tội phạm theo độ tuổi, phương thức thủ đoạn phạm tội. Hình phạt của các tội XPTDTE mà các Tòa án đã xét xử có ảnh hưởng tới quá trình tái phạm, tái phạm nguy hiểm như thế nào, pháp luật hiện hành về phòng, chống tình hình các tội XPTDTE đã đủ răn đe người phạm tội không. Từ đó, tác giả đưa ra những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm XPTDTE ở Việt Nam hiện nay.

Các tội XPTDTE trong những năm qua có diễn biến phức tạp, khó lường, rất khó khăn trong việc dự đoán được xu hướng phát triển của tình hình tội này. Ngày nay với sự phát triển của công nghệ thông tin, nhiều đối tượng phạm tội XPTDTE luôn biết cách để che giấu thân phận bằng cách sử dụng các thủ đoạn hèn hạ, lừa gạt các nạn nhân nhằm đạt mục đích thuận lợi cho mình. Để tác giả có thể đưa ra được những biện pháp phòng ngừa tình hình các tội XPTDTE một cách hiệu quả nhất thì quá trình phân tích các đặc điểm của tội phạm XPTDTE phải thật đầy đủ, bên cạnh đó cần phải nắm bắt được tình hình hoạt động của loại tội phạm này.

Chương 3

TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM

Phòng ngừa tội phạm là nội dung cơ bản, quan trọng của tội phạm học, là kết quả, mục tiêu khi nghiên cứu tội phạm học. Tuy nhiên ở Việt Nam, “*vấn đề phòng ngừa ít được nghiên cứu chuyên sâu về mặt lý luận cơ bản nhưng lại được vận dụng tương đối nhiều để đề xuất giải quyết những vấn đề thực tiễn*” [19, tr. 25-32] dẫn đến đề xuất các giải pháp chưa xác đáng, chưa theo kịp các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Trong bối cảnh xã hội đang tiến tới toàn cầu hóa, sự tương tác, hội nhập trong lĩnh vực pháp luật cũng như trong các lĩnh vực khác (tội phạm học nói chung và phòng ngừa tội phạm nói riêng) là yếu tố khách quan. Trên cơ sở đó việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật cũng như các kế hoạch, chiến lược phòng chống tội phạm giữa các quốc gia và giữa pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế luôn có sự tương tác, nhằm hướng tới sự phù hợp nhất định với nhau.

Ở phương diện pháp luật quốc tế, ngay từ rất sớm, Liên Hợp Quốc đã quan tâm nghiên cứu và xây dựng các khuyến nghị các quốc gia thành viên áp dụng các chuẩn mực quốc tế về phòng ngừa tội phạm. Tại Nghị quyết 1997/33 ngày 21/7/1997 của Hội đồng Kinh tế và Xã hội (ECOSOC) đã đưa ra khuyến nghị chính thức rằng, các quốc gia thành viên cần ban hành chiến lược quốc gia phòng ngừa tội phạm tại đoạn 15 Phần III của Phụ lục như sau: *Chiến lược phòng ngừa tội phạm ở cấp quốc gia, địa phương và cộng đồng cũng cần phải giải quyết những nguyên nhân gốc rễ của tội phạm thông qua các chính sách xã hội, kinh tế, y tế công cộng và giáo dục. Nếu thích hợp, các chương trình phòng ngừa tội phạm phải được liên kết toàn diện với các chương trình giải quyết các đối tượng bị gạt ra bên lề xã hội.* Nghị quyết 2002/13 ngày 24/7/2002 của Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên Hợp Quốc về hành động để thúc đẩy phòng ngừa tội phạm hiệu quả tiếp tục khẳng định: “*Thực tế đã chứng minh rằng kế hoạch chiến lược phòng chống tội phạm tốt không chỉ ngăn chặn tội phạm và hạn chế nạn nhân ảnh hưởng, mà còn thúc đẩy an toàn cộng đồng và đóng góp vào sự phát*

triển bền vững của đất nước. Phòng ngừa tội phạm hiệu quả và có trách nhiệm tăng cường chất lượng cuộc sống của mọi công dân. Nó mang lại lợi ích lâu dài trong việc giảm các chi phí liên quan với hệ thống pháp luật hình sự chính thống, cũng như các chi phí xã hội khác do tội phạm gây ra. Phòng ngừa tội phạm là phương pháp tiếp cận nhân đạo và hiệu quả về chi phí hơn. Các hướng dẫn này đã chỉ ra những yếu tố cần thiết để phòng ngừa tội phạm có hiệu quả”. Đoạn 6 Phần II Phụ lục của Nghị quyết quy định phòng ngừa tội phạm được chia thành hai nhóm biện pháp: (1) Nhóm biện pháp đẩy lùi tội phạm: Thúc đẩy phúc lợi của người dân và khuyến khích hành vi của mọi người trong xã hội thông qua các biện pháp xã hội, kinh tế, y tế và giáo dục, đặc biệt tập trung vào đối tượng là trẻ em và thanh thiếu niên về các vấn đề nguy hiểm và bảo vệ liên quan đến tội phạm và nạn nhân (phòng ngừa thông qua phát triển xã hội hoặc phòng ngừa tội phạm xã hội). (2) Nhóm các biện pháp ngăn chặn tội phạm: Thay đổi điều kiện trong các khu phố có ảnh hưởng đến việc phạm tội, nạn nhân và không an toàn do các tội phạm gây ra bằng cách xây dựng những sáng kiến, kinh nghiệm và cam kết của các thành viên cộng đồng (phòng chống tội phạm tại địa phương); Ngăn chặn sự xuất hiện của tội phạm bằng cách giảm các cơ hội, tăng nguy cơ bị bắt giữ và hạn chế tối đa những lợi ích thông qua thiết kế môi trường sống, hỗ trợ và cung cấp thông tin cho các nạn nhân tiềm năng và thực tế (phòng ngừa THTP); Ngăn chặn tái phạm bằng cách hỗ trợ trong việc tái hòa nhập xã hội cho người phạm tội và các cơ chế ngăn chặn khác (chương trình tái hòa nhập) [9].

Đối với Việt Nam, năm 1989, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Ban hành Chỉ thị số 135-CT ngày 14/5/1989 về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới. Năm 1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 138/1998/QĐ-Ttg ngày 31/7/1998 phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm [22]. Năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 [4] và ngày 14/4/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 623/QĐ-Ttg phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030 [24]. Đây là văn bản pháp lý quan trọng mang tính tiên quyết khẳng định ở cấp quốc gia phòng ngừa tội phạm phải có chiến lược.

Trên cơ sở các khuyến nghị của Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc; các nội dung trong Chiến lược quốc gia về phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030 cho thấy phòng ngừa tội phạm là tổng thể các biện pháp trong đó có hai bộ phận: (1) Các biện pháp ngăn chặn tội phạm, được thiết kế trên cơ sở kết quả nghiên cứu của THTP; (2) Các biện pháp loại trừ tội phạm được thiết lập trên cơ sở nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tác giả chỉ đi sâu nghiên cứu về tình hình của các tội XPTDTE, do đó kiến nghị tại Chương 3 của luận văn sẽ đi sâu phân tích, đề xuất những biện pháp ngăn chặn tội phạm tiềm năng [24]. Cụ thể gồm 03 nhóm biện pháp chính:

- Nhóm biện pháp ngăn chặn tội phạm tiềm năng gồm: Các biện pháp ngăn chặn quá trình chuẩn bị phạm tội; Các biện pháp quản lý, kiểm soát người phạm tội tiềm năng; Các biện pháp tác động tới nạn nhân tiềm năng của tội phạm.

- Nhóm biện pháp ngăn chặn tội phạm đang xảy ra: Ngăn chặn đấu tranh trực diện tới đối tượng phạm tội; Ngăn chặn sự thực hiện và che giấu hành vi phạm tội; Ngăn chặn không để tội phạm được thực hiện nhiều lần.

- Nhóm biện pháp ngăn chặn tái phạm.

3.1. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay và việc hoàn thiện pháp luật

Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 nhận định: “Nhìn chung hệ thống pháp luật nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu tính thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống”, Nghị quyết đã đề ra mục tiêu: “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” [10]. Để hoàn thiện hệ thống tư pháp hình sự và các thủ tục tố tụng trong việc xét xử các tội phạm XPTDTE, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế và các khuyến nghị của Liên hợp quốc về phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói

riêng cần hoàn thiện các quy định của BLHS, BLTTHS, LTHSHS và các quy định của pháp luật khác, cụ thể:

3.1.1. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em và việc hoàn thiện pháp luật hình sự

BLHS năm 1999, tiếp nối là BLHS năm 2015 đã quy định về các tội XPTDTE làm cơ sở pháp lý quan trọng trong việc bảo vệ nhân phẩm, danh dự và quyền tự do tình dục của trẻ em. BLHS năm 2015 thay việc sử dụng thuật ngữ “trẻ em” đã quy định chi tiết độ tuổi của nạn nhân ngay trong tên điều luật, đã giải quyết được những điểm không thống nhất về khái niệm “trẻ em”, “người chưa thành niên”, “người đã thành niên” trong BLHS năm 1999, đồng thời bổ sung thêm “hành vi quan hệ tình dục khác” bên cạnh hành vi “giao cấu” để bao quát những hành vi thỏa mãn tình dục xảy ra trong thực tiễn hiện nay. Ngày 20/6/2017, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội Khóa XIV đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS 2015. Tuy nhiên, các quy định của BLHS 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS 2015 cần hoàn thiện một số quy định sau:

Thứ nhất: Cần có quy định hướng dẫn về tình tiết “*thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*”. Tuy việc quy định bổ sung tình tiết “*thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*” trong các tội XPTDTE nhằm khắc phục những hạn chế trong thực tiễn khi mà hiện nay các hành vi khác có tính chất XPTDTE nhưng chưa bị xử lý hình sự hoặc xử lý theo các tội danh không phù hợp như: hành vi dùng các dụng cụ để quan hệ tình dục và quan hệ tình dục đồng giới song do văn hóa và thuần phong mỹ tục nên BLHS 2015 không quy định chi tiết hành vi trong nội dung điều luật. Do đó, để có căn cứ để giải quyết các vụ án XPTDTE, tình tiết “*thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*” cần được hướng dẫn trong các văn bản hướng dẫn, thi hành BLHS. Trên cơ sở nghiên cứu BLHS các nước và thực tiễn về THTP XPTDTE, tác giả cho rằng, hành vi quan hệ tình dục khác có thể được định nghĩa là *hành vi cọ xát trực tiếp nhằm đem lại cảm giác thỏa mãn tình dục giữa: (1) Bộ phận sinh dục và miệng hoặc hậu môn; hoặc (2) bộ phận trên cơ thể người hoặc các dụng cụ hỗ trợ tình dục khác và bộ phận sinh dục, miệng hoặc hậu môn.*

Thứ hai, nhà làm luật cần quy định rõ về ý chí của người phạm tội đối với tuổi của nạn nhân. Trong thực tiễn giải quyết các vụ án XPTDTE, việc xác định độ tuổi của nạn nhân là cơ sở để xác định người thực hiện hành vi phạm tội có XPTDTE hay không. Khi nghiên cứu BLHS các nước (Nga, Thái Lan, Singapore, Hoa Kỳ...) đều có quy định về ý thức chủ quan của người thực hiện hành vi phạm tội đối với độ tuổi của nạn nhân. Tuy nhiên BLHS năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS chưa đặt ra yêu cầu chủ thể thực hiện tội phạm cần phải biết rõ tuổi của nạn nhân. Theo quan điểm của tác giả, trong các lần sửa đổi tiếp theo của BLHS, các nhà làm luật cần hướng dẫn cụ thể chủ thể thực hiện tội phạm cần biết rõ tuổi của nạn nhân nhằm có biện pháp xử lý công bằng đối với các hành vi phạm tội XPTDTE.

Thứ ba, tại Điều 147 BLHS 2015 quy định “*người nào đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức*”. Theo quan điểm của tác giả, từ thực tiễn và kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia, các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS cần quy định hướng dẫn “*trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức*” là “*việc người chứng kiến tận mắt hành vi trình diễn khiêu dâm bất kể bằng phương thức nào, tại nơi tổ chức trình diễn hoặc qua Internet, truyền hình, sách báo...*” . Đồng thời nhà làm luật cần thống nhất hành vi khách quan của tội này bằng các thủ đoạn lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc khiến người dưới 16 tuổi trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm.

Thứ tư, cần đưa ra giải thích về hành vi dâm ô. Nhằm bao quát một số hành vi có thể xảy ra trong thực tiễn các hành vi XPTDTE, theo tác giả, có thể kế thừa khái niệm tại Bản tổng kết và hướng dẫn số 329-HS2 năm 1967 của Tòa án nhân dân tối cao, loại trừ các hành vi phạm tội đã cấu thành các tội xâm phạm tình dục khác thì “*dâm ô là những hành vi bỉ ổi đối với người khác, tuy không phải hành vi giao cấu hoặc hành vi quan hệ tình dục khác nhưng cũng nhằm thỏa mãn tình dục của mình hoặc kêu gọi bản năng tình dục của người đó*”.

Thứ năm, cần quy định thêm hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với người thực hiện các hành vi thuộc nhóm các tội XPTDTE.

3.1.2. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em và việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

Đối với các tội XPTDTE, BLTTHS năm 2003, gần đây nhất là BLTTHS năm 2015 quy định trình tự tố tụng đặc biệt do đặc thù của đối tượng phạm tội là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi trong thời gian qua còn bộc lộ nhiều hạn chế, ảnh hưởng tới kết quả giải quyết các vụ án XPTDTE. Vì vậy, BLTTHS 2015 cần hoàn thiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, Về các nguyên tắc tố tụng hình sự áp dụng trong các vụ án có người bị hại là người dưới 18 tuổi nói chung và các vụ án XPTDTE nói riêng

Bên cạnh những nguyên tắc chung trong tố tụng hình sự, BLTTHS cần bổ sung những nguyên tắc riêng áp dụng trong các vụ án XPTDTE đó là:

- Lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phải được các cơ quan tiến hành tố tụng đảm bảo, quan tâm hàng đầu trong mọi trường hợp ban hành quyết định tố tụng;

- Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án có bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi chỉ được tiến hành bởi những người tiến hành tố tụng đã được đào tạo về tâm lý học và giáo dục học để giải quyết các vụ án có người dưới 18 tuổi tham gia.

Thứ hai, Nâng cao hiệu quả nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa có người dưới 18 tuổi tham gia

Trong chiến lược cải cách tư pháp, Tòa án là trung tâm, xét xử là trọng tâm và tranh tụng là khâu đột phá. Trong hoạt động tố tụng hình sự nói riêng và tố tụng hình sự tại các phiên tòa có người dưới 18 tuổi tham gia nói chung, Tòa án giữ vai trò trung tâm, đảm bảo cho các chức năng tố tụng được thực hiện một cách công khai, dân chủ và bình đẳng. Bằng chức năng của mình, Hội đồng xét xử trên cơ sở đánh giá toàn diện, đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa để đưa ra phán quyết khách quan, đúng pháp luật. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị nhấn mạnh “*việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa*” [11]. Hiến pháp năm 2013 quy định nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm; Điều 26 BLTTHS 2015 đã cụ thể hóa nguyên tắc

Hiển định trong hoạt động tố tụng hình sự. Theo đó, để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử cần thực hiện những nội dung sau:

- Có sự tách bạch về chức năng của hoạt động tố tụng hình sự (gồm buộc tội – bào chữa – xét xử); các cơ quan có chức năng buộc tội, bào chữa luôn bình đẳng với nhau trong hoạt động thu thập, đưa ra các chứng cứ, yêu cầu và tranh tụng các tình tiết liên quan đến vụ án tại phiên tòa. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất để thực hiện tranh tụng. Quyết định của Tòa án chỉ dựa trên cơ sở kết quả tranh tụng giữa các bên.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ luật sư, trợ giúp viên pháp lý, người giám hộ, người đại diện hợp pháp của người bị hại là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa để các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại là người dưới 18 tuổi thực sự được bảo vệ. Tăng cường đội ngũ luật sư, cán bộ trợ giúp pháp lý, mở rộng đối tượng được nhận trợ giúp pháp lý miễn phí.

- Trong hoạt động điều hành phiên tòa, Hội đồng xét xử đóng vai trò là trọng tài của tranh tụng. Theo đó, đòi hỏi đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm phải nâng cao năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị. Đối với các vụ án XPTDTE, bên cạnh các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, người tiến hành tố tụng phải có các điều kiện đạt chuẩn kiến thức về tâm lý, giáo dục. Trong quá trình tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cần khách quan, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, bị cáo, bị hại và những người tham gia tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử phải đảm bảo xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và quan điểm của các bên tham gia tố tụng để đánh giá khách quan, toàn diện trước khi đưa ra phán quyết cuối cùng.

Thứ ba, Hoàn thiện cơ cấu tổ chức TGDVNCTN và môi trường xét xử các vụ án có người dưới 18 tuổi tham gia

Ngày 24/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật tổ chức Tòa án nhân dân. Theo đó, ở các cấp Tòa án từ trung ương tới địa phương sẽ thành lập TGDVNCTN, là bước đi cụ thể nhằm triển khai hiệu quả các chủ trương, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, phát triển gia đình; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Đồng thời thể hiện thiện chí của Việt Nam trong cam kết bảo vệ các quyền trẻ em được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế mà Việt

Nam là thành viên. Việc thành lập TGDVNCTN xuất phát từ những đặc thù về tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi, đòi hỏi phải hoàn thiện hệ thống pháp luật để có những biện pháp xử lý và những thủ tục tố tụng riêng biệt.

- Về cơ cấu tổ chức: TGDVNCTN không phải “Tòa án đặc biệt” cũng như không phải được thành lập thành một hệ thống Tòa độc lập. Mục tiêu là thành lập bộ phận chuyên trách của Tòa án, chuyên *xét xử các vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc các vụ án hình sự mà bị cáo là người đã đủ 18 tuổi trở lên nhưng người bị hại là người dưới 18 tuổi bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập do không có môi trường gia đình lành mạnh như những người dưới 18 tuổi khác* [21, Điều 3]- đối tượng đặc biệt cần sự quan tâm từ phía Tòa án. Xét về bản chất, TGDVNCTN có thể là một Tòa chuyên trách nằm trong hệ thống Tòa án nhân dân, đồng thời cũng có thể là một bộ phận những người tiến hành tố tụng chuyên trách giải quyết các vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi. Hiện nay, TGDVNCTN đã được thành lập với tư cách là một Tòa chuyên trách, xét xử các vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi tại các Tòa án nhân dân cấp cao và một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đối với một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án nhân dân cấp huyện, do số lượng các vụ việc thuộc thẩm quyền của TGDVNCTN còn hạn chế và biên chế các cán bộ, công chức của Tòa án còn hạn chế chưa đủ điều kiện thành lập TGDVNCTN cũng như chưa có đội ngũ Thẩm phán, Thư ký làm nhiệm vụ chuyên trách xét xử các vụ án có người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên trên thực tế, mặc dù các Tòa án đã thành lập TGDVNCTN nhưng khi giải quyết các vụ án có người dưới 18 tuổi vẫn được thực hiện theo thủ tục tố tụng chung, chưa mang tính khác biệt đặc thù do vậy cần xây dựng các quy định của pháp tố tụng hình sự sao cho phù hợp với mô hình tổ chức TGDVNCTN ở các đơn vị thuộc ngành Tòa án.

- Về công tác xây dựng đội ngũ nhân sự của TGDVNCTN: Để TGDVNCTN được hoạt động theo đúng mục tiêu đề ra thì cần có các Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên, Thư ký chuyên trách tham gia giải quyết các vụ án có bị can, bị cáo, người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi. Họ là những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xét xử các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi nên cần phải được tuyển chọn kỹ từ những người có phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm về phòng, chống tội

phạm, đồng thời phải được trang bị các kiến thức cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục và kỹ năng xét xử đặc thù.

Theo đó, hệ thống Tòa án nhân dân phải xây dựng một chương trình đào tạo cơ bản cho đội ngũ chuyên trách là công tác xét xử các vụ án có người dưới 18 tuổi bao gồm các nội dung: (1) Các kiến thức hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục về người dưới 18 tuổi; (2) Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; các chính sách của Nhà nước đối với trẻ em; (3) Các kỹ năng về xét xử các loại án liên quan đến người dưới 18 tuổi.

Ngoài ra, cần có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng định kỳ nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trực tiếp xét xử các vụ án có người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng, phù hợp với tình hình thực tiễn và sự thay đổi của pháp luật.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng cần có chương trình đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức tương tự trong công tác giải quyết các vụ án có người dưới 18 tuổi tham gia.

- Về cách thức tổ chức phiên tòa: Hiện nay, ở nước ta chưa có các phòng xét xử chuyên biệt đối với người dưới 18 tuổi. Nhìn chung, môi trường xét xử và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa đối với người dưới 18 tuổi về cơ bản giống với người đã thành niên. Do vậy, để hạn chế ảnh hưởng tới tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi, ngành Tòa án cần nghiên cứu xây dựng mô hình xét xử thân thiện đối với người dưới 18 tuổi. Tòa án nhân dân các cấp cần xây dựng phòng xét xử dành riêng cho các vụ án liên quan đến dưới 18 tuổi và bố trí các vị trí ngồi hạn chế đến mức tối đa sự quá tôn nghiêm của pháp đình, tạo môi trường thân thiện, gần gũi, tránh sự căng thẳng, lo sợ trong quá trình xét xử.

3.1.3. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em và việc hoàn thiện pháp luật thi hành án hình sự và pháp luật khác

Luật thi hành án hình sự được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/6/2010, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2011 là bước tiến quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tạo khung pháp lý đảm bảo các bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án được triển khai thi hành, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, tính thống nhất và nhân đạo của chính sách hình sự. Tuy nhiên, qua 07 năm thi hành Luật thi hành án hình sự, tồn tại một số khó khăn, hạn chế, vướng mắc sau: Một số quy định

của Luật thi hành án hình sự chưa đầy đủ và tương thích với BLHS, BLTTHS; Luật thi hành án hình sự chưa có quy định điều chỉnh một số tình huống phát sinh trên thực tế thi hành án. Do đó, Luật thi hành án hình sự cần hoàn thiện những nội dung sau:

- BLTTHS 2015 không xây dựng các quy định về thủ tục thi hành án hình sự. Do đó, Luật thi hành án hình sự sửa đổi, bổ sung cần xây dựng cụ thể các quy định về thủ tục thi hành án hình sự, thẩm quyền của các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ trong công tác thi hành án hình sự để tạo thành một chỉnh thể hoàn thiện thống nhất.

- Rà soát những hạn chế của Luật thi hành án hình sự về thủ tục thi hành án hình sự đối với mỗi loại hình phạt, quy định về ủy thác thi hành án hình sự để khắc phục, sửa chữa nhằm mục tiêu đạt hiệu quả tốt nhất, giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người có ích với xã hội.

- Xây dựng các quy phạm pháp luật về thi hành án hình sự điều chỉnh một số tình huống phát sinh trên thực tế như quy định về truy nã hoặc chế tài xử lý đối với người bị kết án phạt tù nhưng cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ cố tình lẩn tránh, bỏ trốn khỏi nơi cư trú; quy định về giải quyết yêu cầu thay đổi nơi cư trú của người bị phạt quản chế, cải tạo không giam giữ; một số trường hợp hoãn, miễn thi hành án phạt tù... nhằm đảm bảo tính có hiệu lực của bản án, giải quyết các khó khăn, hạn chế trong quá trình thi hành án, phù hợp với thực tiễn thi hành án hình sự.

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan làm công tác thi hành án hình sự để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án; quản lý, cải tạo, giáo dục người bị kết án nhằm đảm bảo tính nghiêm minh trong các quyết định của Tòa án.

3.2. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay và việc hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội xâm phạm tình dục trẻ em

Lý luận tội phạm học đã chỉ ra rõ, để phòng ngừa tội phạm có hiệu quả không thể áp dụng biện pháp đơn lẻ mà phải kết hợp nhiều biện pháp phòng ngừa khác nhau để tạo thành hệ thống các biện pháp. Một trong những biện pháp có hiệu quả nhất là việc tập trung vào các biện pháp phòng ngừa tội phạm, được xác định trên cơ sở thực trạng tình hình tội XPTDTE trong thời gian vừa qua. Hệ thống các biện pháp ngăn

chặn tội phạm XPTDTE bao gồm những biện pháp ngăn chặn tội phạm tiềm năng; những biện pháp ngăn chặn tội phạm đang xảy ra và những biện pháp ngăn chặn tái phạm. Biện pháp ngăn chặn có mục đích tác động đến những hoàn cảnh có khả năng phát sinh tội phạm, những đối tượng đã phạm tội để tránh trường hợp họ tiếp tục phạm tội.

3.2.1. Những biện pháp ngăn chặn tội phạm tiềm năng

Những biện pháp ngăn chặn tội phạm tiềm năng được thiết kế trên cơ sở trạng thái chưa xảy ra của tội XPTDTE, nhưng nó sắp xảy ra, đang ở trạng thái tiềm tàng. Vì vậy phải có những biện pháp thích ứng để ngăn chặn, không cho nó xảy ra (nhưng nguyên nhân của nó thì vẫn còn tồn tại). Những biện pháp này có 03 đối tượng tác động:

a. Các biện pháp ngăn chặn quá trình chuẩn bị phạm tội XPTDTE

Đối với các tội XPTDTE, với mỗi loại tội phạm có phương thức thực hiện tội phạm khác nhau. Tuy nhiên về hậu quả đều dẫn đến việc trẻ em sẽ bị tổn thương về sức khỏe, thậm chí là tính mạng; nghiêm trọng hơn, chúng còn gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của các em, dẫn đến các em có thể có những ám ảnh hoặc lệch lạc nhất định trong tình dục cũng như trong cuộc sống. Các biện pháp ngăn chặn tác động vào quá trình chuẩn bị phạm tội như sau:

- Nghiêm cấm các cơ sở kinh doanh băng đĩa, sách báo, Internet... mua bán, lưu hành các văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại để tác động vào tâm lý của trẻ em hoặc tạo cơ hội cho các đối tượng lợi dụng tiếp cận, rủ rê lừa gạt, cưỡng bức nạn nhân.

- Gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội cần quan tâm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Chú trọng giáo dục giới tính nhằm giúp các em hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ sức khỏe giới tính, trang bị các kiến thức để tự bảo vệ mình tránh nguy cơ bị xâm hại tình dục.

- Cần tăng cường tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật, kỹ năng ứng phó tình huống cho đội ngũ giáo viên, phụ huynh học sinh và các em để phòng ngừa tội phạm XPTDTE, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Lực lượng công an cấp xã, huyện và lực lượng dân quân tự vệ, bảo vệ tổ dân phố cần thường xuyên tuần tra địa bàn mình được giao nhiệm vụ quản lý, đặc biệt tại

những địa bàn hẻo lánh, ít người qua lại nhằm phát hiện những đối tượng khả nghi có nguy cơ phạm tội cao để kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi phạm tội sắp xảy ra.

- Thực hiện tốt các phong trào phòng, chống tội phạm trong cộng đồng dân cư: Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng Tổ an ninh tự quản, khu dân cư liên kết phòng chống tội phạm; phát động toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện tố giác tội phạm, cảm hóa, giáo dục cải tạo người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư.

- Các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện như nhà nghỉ, khách sạn... cần thận trọng và kiểm tra kỹ lưỡng các thông tin cá nhân của khách hàng, đặc biệt là người dưới 18 tuổi và đối tượng khác giới trước khi cung cấp dịch vụ cho thuê phòng nghỉ.

- Các cơ quan thông tin – truyền thông tăng cường tuyên truyền các vụ việc về XPTDTE và các dấu hiệu nhận biết hành vi XPTDTE, phương thức xử lý, giải quyết đối với những vụ việc này nhằm nâng cao cảnh giác trong cộng đồng dân cư.

b. Các biện pháp quản lý, kiểm soát người phạm tội tiềm năng

Việc xác định ai có thể là chủ thể tiềm năng của các tội XPTDTE là kết quả của công tác nắm tình hình ở cơ sở. Nhóm biện pháp này chủ yếu là những biện pháp quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là của Công an cấp huyện, xã, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư như:

- Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện và chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường quản lý các đối tượng có khả năng phạm tội: Những người có độ tuổi từ 18 tuổi đến 30 tuổi, đặc biệt những người trên 30 tuổi, nam giới, có sai lệch về sở thích, cá nhân hoặc nhóm cá nhân có sai lệch về định hướng giá trị... Tăng cường quản lý đối với 750 người thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và người thi hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo về các tội XPTDTE; không giam chung, cho sinh hoạt chung với các đối tượng có nhiều tiền án, đối tượng cá biệt với đối tượng phạm tội lần đầu để tránh việc học hỏi, ảnh hưởng lẫn nhau. Thực hiện tốt các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng đối với những người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương; tăng cường quản lý các đối tượng có tiền án, tiền sự về các tội phạm khác.

- Các gia đình có con cái phạm tội, có các biểu hiện sai lệch về sở thích, lối sống cần tăng cường việc giáo dục, quản lý, giám sát, đưa đi chữa trị tâm lý, định hướng lối sống để con em mình không tiếp tục phạm tội, có lối sống lành mạnh.

- Cơ quan công an cần chủ động xác minh, nắm tình hình, diễn biến hoạt động của tội phạm XPTDTE, có kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn và quản lý chặt chẽ số lượng thanh thiếu niên chậm tiến, ham chơi, có lối sống buông thả, có tiền án, tiền sự, các băng nhóm trên địa bàn là những đối tượng có nguy cơ phạm tội xâm hại tình dục giáo dục họ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Công an cấp xã thực hiện tốt các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tham gia tố giác tội phạm do Công an cấp trên phát động.

- Phát huy vai trò của Bí thư chi bộ, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư... làm chỗ dựa cho nhân dân trong công tác phòng chống tội phạm ở cơ sở.

- Các cấp chính quyền xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình điển hình tiên tiến trong phòng chống tội phạm nói chung, các tội XPTDTE nói riêng như: Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Tổ an ninh tự quản, gia đình, thôn, làng, xã an toàn về an ninh trật tự và xây dựng khu dân cư liên kết phòng chống tội phạm; phát động toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện tố giác tội phạm, cảm hóa, giáo dục, cải tạo người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư.

c. Các biện pháp tác động tới nạn nhân tiềm năng của tội phạm

Nói đến nạn nhân của tội XPTDTE là nói đến các đối tượng là người dưới 16 tuổi, theo tổng kết thực tiễn, phần lớn nạn nhân của tội XPTDTE là các trẻ em gái. Vì vậy, nạn nhân - người dưới 16 tuổi phải thực hiện các biện pháp để hạn chế những điều kiện, hoàn cảnh nhằm không để tội phạm xảy ra. Cụ thể:

- Trang bị cho trẻ em dưới 16 tuổi những kiến thức về giới tính, pháp luật, ý thức cảnh giác, phát hiện sớm và kỹ năng phòng ngừa các hành vi XPTDTE và hậu quả của nó thông qua việc lồng ghép vào các chương trình giáo dục phổ thông, trong

sinh hoạt ngoại khóa của các cấp học, trong sinh hoạt của cộng đồng dân cư và của các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cha mẹ và người thân nhằm xây dựng thiết chế gia đình bền vững. Để tránh những sự việc đau lòng do tội phạm xâm hại tình dục gây nên, cha mẹ cần thường xuyên để mắt, quan tâm, chia sẻ với con em mình để nhận thấy những thay đổi tâm, sinh lý cần thiết đồng thời trang bị cho các em biết cách phòng vệ trước những đối tượng có ý định thực hiện hành vi đồi bại.

3.2.2 Nhóm biện pháp ngăn chặn tội phạm đang xảy ra

Những biện pháp này được thiết kế trên cơ sở trạng thái thứ hai của tội phạm, tức là tội phạm đang xảy ra ở hai trường hợp: Ngăn chặn khi tội phạm đang thực hiện hành vi phạm tội, giảm thiểu hậu quả và ngăn chặn sự lặp lại hành vi XPTDTE.

a. Ngăn chặn khi tội phạm đang thực hiện hành vi XPTDTE

Biện pháp này tác động vào hành vi phạm tội đang xảy ra nhằm giảm thiểu hậu quả. Cụ thể là những biện pháp như tố giác tội phạm hoặc dùng người có uy tín trong xã hội để nhắc nhở, khuyên can. Ngăn chặn tội phạm XPTDTE trong trường hợp này là sự phản ứng tức thì của xã hội đối với hành vi phạm tội đang diễn ra. Nó phải được thực hiện bởi chính các chủ thể có liên quan như người bị hại, thân nhân người bị hại như khi bị người phạm tội thực hiện các hành vi xâm hại tình dục cần có các hành động chống trả tương ứng, báo cho gia đình, người thân và trình báo ngay cho cơ quan Công an để được hỗ trợ tư vấn (về giám định, khám xét dấu vết trên thân thể, khám nghiệm hiện trường...) để không chế, tránh bỏ lọt tội phạm.

Ngoài ra, chủ thể tham gia ngăn chặn tội phạm có thể là những người chứng kiến, nắm bắt được thông tin sự việc như những người vô tình phát hiện hành vi phạm tội; các chủ, quản lý nhà nghỉ, khách sạn thấy có dấu hiệu tội phạm cần chủ động khai báo, tố giác tội phạm và phối hợp triệt để với các cơ quan chức năng.

b. Ngăn chặn không để tội phạm được thực hiện nhiều lần

Biện pháp này áp dụng đối với người thực hiện hành vi XPTDTE nhiều lần mà chưa bị phát hiện, xử lý bởi cơ quan có thẩm quyền. Đây thực chất là những biện pháp đấu tranh với tội phạm ẩn khách quan trong tình hình tội XPTDTE. Đó là các biện pháp:

- Đối với các nạn nhân và gia đình nạn nhân trong các vụ án XPTDTE cần tố giác ngay với cơ quan có thẩm quyền nhận tin báo, tố giác tội phạm trong thời gian ngắn nhất, kịp thời đưa người bị hại đi giám định nhằm thu thập các bằng chứng quan trọng để xác định người phạm tội.

- Các gia đình có con, em đã thực hiện hành vi phạm tội cần khuyên can người đó ra tự thú, đầu thú.

- Cơ quan Công an tiến hành rà soát các đối tượng có biểu hiện nghi vấn trên địa bàn và các địa phương lân cận; sàng lọc những đối tượng có biểu hiện bất minh, tâm lý không ổn định từ đó đưa ra những biện pháp ngăn chặn phù hợp. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm soát thường xuyên liên tục trên các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, các khu vực vắng người qua lại, hẻo lánh.

3.2.3. Nhóm biện pháp ngăn chặn tái phạm

Nhóm biện pháp này được thiết kế trên cơ sở trạng thái người phạm tội đã bị xử lý theo pháp luật hình sự, đã thi hành xong bản án, quyết định của Tòa án, gồm cả người phạm tội lần đầu và cả người tái phạm và tái phạm nguy hiểm, những biện pháp này rất đa dạng. Những biện pháp này rất đa dạng và phong phú mà nội dung là cảm hóa người đã phạm tội để họ không tái phạm với nghĩa là không lặp lại hành vi phạm tội sau khi đã chấp hành xong bản án. Con số 0,86% trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm chưa phản ánh đúng thực chất của sự quay trở lại phạm tội XPTDTE. Để hạn chế và triệt tiêu khả năng tái phạm cho những đối tượng chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương xuống dưới 15% theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra, cần nhiều biện pháp khác nhau:

Trước hết, các cơ quan tiến hành tố tụng cần nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, ra bản án đúng người, đúng tội, đúng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi XPTDTE, tác động trực tiếp đến người phạm tội, gia đình, bạn bè họ nhằm tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật.

Thứ hai, trong giai đoạn thi hành án hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ giám sát, giáo dục người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ; các trại giam, trại tạm giam có trách nhiệm cải tạo, giáo dục pháp luật, văn hóa, kỹ năng sống cho người chấp hành hình phạt tù. Cụ thể:

+ Ủy ban nhân dân cấp xã cần thực hiện tốt các nhiệm vụ: Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức giám sát, giáo dục người chấp hành án; phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người chấp hành án; yêu cầu người chấp hành án thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật; phối hợp với gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó. Lập hồ sơ đề nghị xem xét giảm thời hạn chấp hành án; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với người chấp hành án vi phạm quy định của pháp luật.

+ Cơ quan cảnh sát thi hành phạt tù cần thực hiện nghiêm túc các quy định về trình tự, thủ tục thi hành án phạt tù; có chế độ giam giữ phạm nhân phù hợp, cần giám riêng, cho sinh hoạt riêng những phạm nhân phạm các tội XPTDTE để có hướng giáo dục, chuyển hóa trong nhận thức của phạm nhân, tránh những tư tưởng lệch lạc, bệnh hoạn trong thói quen sinh hoạt; giam giữ tách biệt những phạm nhân phạm tội có tính chất tái phạm, tái phạm nguy hiểm, các đối tượng cá biệt với phạm nhân mới phạm tội lần đầu để tránh họ bị ảnh hưởng, học hỏi lẫn nhau. Thực hiện tốt chế độ học tập văn hóa, pháp luật, học nghề, định hướng nghề nghiệp và được thông tin của phạm nhân, chế độ lao động và sử dụng kết quả lao động phạm nhân, khen thưởng và kỷ luật phạm nhân. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về hoãn, miễn, giảm chấp hành án phạt tù, phối hợp với gia đình phạm nhân, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục, cải tạo phạm nhân. Giáo dục, hỗ trợ các thủ tục pháp lý cho phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù, tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho phạm nhân, lập quỹ hòa nhập cộng đồng và các biện pháp khác nhằm đưa phạm nhân trở về với đời sống cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

- Viện kiểm sát cần tăng cường công tác kiểm sát hoạt động thi hành án hình sự nhằm đảm bảo hoạt động thi hành án hình sự thực hiện đúng các quy định của Luật thi hành án hình sự, nâng cao chất lượng giáo dục, cải tạo người phạm tội, hạn chế tái phạm.

- Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ những đối tượng được hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành án, người được tha tù trước thời hạn.

Thứ ba, thực hiện hiệu quả các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù trở về gia đình và địa phương. Đây là công việc cần sự chung tay không chỉ của cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân các cấp mà còn của gia đình, bạn bè, hàng xóm. Các cơ quan có thẩm quyền cần có các biện pháp như: Quản lý, giáo dục, dạy nghề, giải quyết việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù; trợ lý về tâm lý cho họ xóa đi những mặc cảm về hành vi phạm tội của bản thân. Đối với gia đình cần tăng cường quản lý, giám sát, giáo dục, giúp đỡ họ tái hòa nhập cộng đồng, tránh ruồng rẫy, hắt hủi nhằm không để họ rơi vào trạng thái hụt hẫng, bế tắc. Xã hội cần khích lệ, động viên họ làm lại cuộc đời.

3.3. Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay và việc hoàn thiện tổ chức phòng ngừa tình hình tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em

Biện pháp tổ chức có chức năng đảm bảo, tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội XPTDTE về mặt nội dung, đồng thời không chế, ngăn chặn và kịp thời phát hiện, xử lý những tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc biện pháp nội dung.

- Đối với các cơ quan quyền lực Nhà nước ở trung ương và địa phương (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) cần tăng cường giám sát việc thực hiện và hoàn thiện các quy định về nhóm tội XPTDTE trong BLHS, thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi trong BLTTHS, Luật trẻ em, Luật trợ giúp pháp lý và việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến đấu tranh phòng, chống tội phạm; bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Quan tâm và phân bổ ngân sách phù hợp cho công tác phòng, chống tội phạm, công tác bảo vệ trẻ em nói chung và bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng (trong đó có các nạn nhân của tội phạm XPTDTE).

- Đối với Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp: Cần xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và các quy định liên quan đến chính sách hỗ trợ trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Đối với các cơ quan Công an - lực lượng nòng cốt trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Cần thực hiện hiệu quả và đồng bộ công tác tiếp nhận, xử lý thông tin

hoặc thông các các kênh thông tin khác thông qua cụm an ninh khu vực, đường dây nóng, thông tin từ quần chúng nhân và sử dụng các biện pháp kỹ thuật chuyên ngành để làm rõ hành vi XPTDTE. Nhận định, đánh giá THTP XPTDTE để xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi XPTDTE và tội phạm liên quan đến trẻ em. Đảm bảo thực hiện quyền trẻ em trong hoạt động tổ tụng hình sự.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân các cấp: Thông qua chức năng truy tố, kiểm sát hoạt động tư pháp cần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ ngành nhằm phát hiện các vi phạm trong quá trình tố tụng, không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, tức cực trong việc quản lý và xử lý tin báo tội phạm. Từ đó, Viện kiểm sát có thể tự khởi tố hoặc yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố các vụ án XPTDTE. Đồng thời, phối hợp và tạo điều kiện cùng các chuyên gia tội phạm học và các ngành có liên quan nghiên cứu, đánh giá một cách khách quan THTP XPTDTE, tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội để từ đó thiết kế các biện pháp ngăn chặn tiến tới loại trừ tội phạm khỏi xã hội.

- Đối với Tòa án nhân dân các cấp: Thông qua công tác xét xử nhằm giáo dục, răn đe những hành vi phạm tội hoặc có ý định phạm tội. Mặt khác, Tòa án cần sớm phát hiện nguyên nhân, điều kiện phạm tội, những hiện tượng tiêu cực của xã hội, sơ hở trong công tác quản lý nhà nước để phối hợp với các ngành chức năng phòng ngừa tội phạm XPTDTE. Đồng thời, kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao tăng cường công tác tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật và phát triển án lệ, tổ chức rút kinh nghiệm về công tác xét xử các vụ án XPTDTE nhằm tổng hợp những sai sót, vướng mắc mà các Tòa án thường gặp để kịp thời hướng dẫn, áp dụng thống nhất pháp luật.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước khác về giáo dục, xã hội, truyền thông và các tổ chức chính trị, xã hội cần xây dựng và hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn về bảo vệ trẻ em bị xâm hại; thống nhất hoạt động phối hợp liên ngành để xác minh, điều tra, xử lý từng trường hợp trẻ em bị xâm hại, trong đó quy định rõ các thủ tục, quy trình và trách nhiệm phòng ngừa, phát hiện, tố giác, trợ giúp và giải quyết các trường hợp trẻ em bị xâm hại của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, nhà trường, gia đình, cá nhân và trẻ em. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức cảnh giác, phát hiện sớm, tự

phòng ngừa các hoạt động xâm hại tình dục và hỗ trợ tư vấn pháp lý cho nạn nhân trong các vụ án XPTDTE.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở phân tích các đặc điểm của tình hình các tội XPTDTE, các yếu tố tác động đến tình hình các tội phạm này ở Việt Nam hiện nay, tác giả sử dụng số liệu trong 05 năm (từ 2012 đến 2016) để đưa ra những dự báo về tình hình các tội XPTDTE trong năm 2017. Nhìn chung năm 2017 tình hình các tội XPTDTE vẫn diễn ra phức tạp, xu hướng và mức độ đều không giảm nhiều so với năm trước, mức độ nghiêm trọng của tội phạm có xu hướng tăng. Số vụ án được Tòa án nhân dân xét xử trong năm 2017 vẫn còn rất cao, điều này có thể gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Một số nhóm giải pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam cần được áp dụng trong thời gian tới, cụ thể như sau:

Một là, các giải pháp về hoàn thiện pháp luật, trong đó bao gồm hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật về thi hành án hình sự.

Hai là, nhóm các giải pháp về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em. Trong đó, tác giả chia ra thành các nhóm biện pháp theo từng giai đoạn khác nhau. Cụ thể là:

Nhóm các biện pháp ngăn chặn tội phạm tiềm tàng: Những biện pháp ngăn chặn tội phạm tiềm năng được thiết kế trên cơ sở trạng thái chưa xảy ra của tội XPTDTE, nhưng nó sắp xảy ra, đang ở trạng thái tiềm tàng. Vì vậy phải có những biện pháp thích ứng để ngăn chặn, không cho nó xảy ra (nhưng nguyên nhân của nó thì vẫn còn tồn tại). Những biện pháp này có 03 đối tượng tác động: các biện pháp ngăn chặn quá trình chuẩn bị phạm tội XPTDTE, các biện pháp quản lý, kiểm soát người phạm tội tiềm năng, các biện pháp tác động tới nạn nhân tiềm năng của tội phạm.

Nhóm các biện pháp ngăn chặn tội phạm đang xảy ra: những biện pháp này được thiết kế trên cơ sở trạng thái thứ hai của tội phạm, tức là tội phạm đang xảy ra ở hai trường hợp: Ngăn chặn khi tội phạm đang thực hiện hành vi phạm tội, giảm thiểu hậu quả và ngăn chặn sự lặp lại hành vi XPTDTE.

Nhóm các biện pháp ngăn chặn tái phạm: nhóm biện pháp này được thiết kế trên cơ sở trạng thái người phạm tội đã bị xử lý theo pháp luật hình sự, đã thi hành xong bản án, quyết định của Tòa án, gồm cả người phạm tội lần đầu và cả người tái phạm và tái phạm nguy hiểm, những biện pháp này rất đa dạng. Những biện pháp này rất đa dạng và phong phú mà nội dung là cảm hóa người đã phạm tội để họ không tái phạm với nghĩa là không lặp lại hành vi phạm tội sau khi đã chấp hành xong bản án.

Ba là, biện pháp gắn liền với việc hoàn thiện hệ thống tổ chức phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em. Biện pháp tổ chức có chức năng đảm bảo, tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội XPTDTE về mặt nội dung, đồng thời khống chế, ngăn chặn và kịp thời phát hiện, xử lý những tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc biện pháp nội dung. Đối với từng cơ quan: cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương (Quốc hội, Hội đồng nhân dân); Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan Công an; Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, văn hóa, truyền thông... có những kiến nghị giải pháp cụ thể riêng.

KẾT LUẬN

Tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016 có diễn biến rất phức tạp, phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm ngày càng nguy hiểm; gây ra hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em đã để lại hậu quả nặng nề đối với nạn nhân không chỉ thiệt hại về danh dự, nhân phẩm mà còn thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, quyền con người của họ và gia đình họ.

Qua nghiên cứu tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay, tác giả đưa ra một số kết luận sau:

Trong quá trình phân tích các đặc điểm về cơ cấu của tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em cho thấy phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm, quy mô và xu hướng của tội phạm, nhân thân người phạm tội, động cơ mục đích thực hiện tội phạm, các đặc điểm nhân thân của nạn nhân. Thông qua những đặc điểm trên, chúng ta thấy tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em đang là vấn đề nhức nhối đối với các cơ quan phòng, chống tội phạm cũng như đối với tình hình an ninh, trật tự xã hội, dư luận xã hội nơi tội phạm xảy ra. Tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em là loại tội phạm đặc thù, xâm phạm trực tiếp đến nạn nhân là các em nhỏ chưa trưởng thành về mặt nhận thức, đồng thời xuất phát từ quan niệm xã hội khiến cho loại tội phạm này càng khó phát hiện, do vậy việc đấu tranh và phòng ngừa tình hình tội này sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội nói chung và nguyên nhân của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam nói riêng là: ý thức chủ quan của người phạm tội và sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống (môi trường gia đình, nhà trường, bạn bè, môi trường xã hội...), cùng với điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi thì tội phạm dễ dàng được thực hiện. Như vậy muốn ngăn chặn tội phạm không cho xảy ra hoặc loại trừ hoàn toàn tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội, Nhà nước cần phải có hệ thống các biện pháp mang tính chiến lược, cơ bản, lâu dài để khắc phục tận gốc rễ các yếu tố làm phát sinh tội phạm và từng bước đẩy lùi tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Giải pháp đưa ra để hạn chế và từng bước đẩy lùi tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em ở Việt Nam trong những năm tới là: đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, hiểu biết pháp luật; Tăng cường công tác quản lý xã

hội, với mục tiêu chính là bảo vệ trẻ em, tiến hành thanh tra lao động thường xuyên đối với các cơ sở dịch vụ nhạy cảm, cơ sở sử dụng nhiều lao động là trẻ em; thiết lập đường dây điện thoại nóng trợ giúp các nạn nhân; truyền thông nâng cao nhận thức của người dân, tuyên truyền các chủ chương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng chống các tội xâm phạm tình dục trẻ em; thực hiện các biện pháp về pháp luật, sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật trong một số lĩnh vực dễ bị lợi dụng để xâm phạm tình dục trẻ em; xây dựng kiện toàn hệ thống các cơ quan bảo vệ trẻ em từ trung ương đến cấp địa phương, đặc biệt nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội, chính trị xã hội ở nơi cư trú như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên... để góp phần tạo cho trẻ em có môi trường sống lành mạnh, được quan tâm đến tinh thần, tư tưởng.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, mặc dù tác giả đã rất cố gắng trong quá trình thực hiện luận văn, tuy nhiên vì điều kiện và khả năng có hạn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực này để luận văn hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo việc chấp hành quy định pháp luật về phòng, chống XPTDTE của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam từ 2014 đến 2017 (2017)
2. Báo cáo công tác xét xử các vụ án về tội phạm XPTDTE của Tòa án nhân dân (2017)
3. Báo cáo kết quả giải quyết án XPTDTE của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), Hà Nội
4. Chính phủ (2009), Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020
5. Đỗ Tiến Dũng (2014), Các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học Viện Khoa học xã hội Việt Nam
6. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học, Tạp chí luật học 2007, Hà Nội
7. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), Tội phạm và cấu thành tội phạm, Nxb Tư pháp, Hà Nội
8. Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Ngọc Anh, Trần Văn Luyện, Trần Quang Tiệp (2010), Bình luận khoa học BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009, NXB Chính trị Quốc gia, HN
9. Nghị quyết 1997/33 ngày 21/7/1997 của Hội đồng Kinh tế và Xã hội (ECOSOC), Phụ lục
10. Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020
11. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị
12. Quốc hội (2009), BLHS sửa đổi và bổ sung, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
13. Quốc hội (2012), Luật Lao động, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
14. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
15. Quốc hội (2016), Luật Trẻ em, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
16. Trần Hữu Tráng (2000), Một số vấn đề về tình hình tội phạm ản ở Việt Nam, Tạp chí Luật học số 3/2000

17. Phạm Văn Tinh (2007), Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6/2007
18. Phạm Văn Tinh (2007), Một số vấn đề lý luận về THTP ở Việt Nam
19. Phạm Văn Tinh (2007), Vấn đề về định nghĩa khái niệm tội phạm học và nhu cầu nâng cao trình độ lý luận tội phạm học ở nước ta, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 12/2007
20. Phạm Văn Tinh (2011), Tổng quan về mức độ của tình hình tội phạm ở Việt Nam qua số liệu thống kê (1986-2008), TC. Nhà nước và Pháp luật số 4/2011
21. Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về tổ chức các Tòa chuyên trách tại TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.
22. Thủ tướng Chính phủ (1998), Quyết định số 138/1998/QĐ-Ttg ngày 31/7/1998 phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm
23. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 1217/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012-2015 ngày 6/9/2012
24. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 623/QĐ-Ttg phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030
25. Tòa án nhân dân tối cao, Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Vai trò của Tòa án nhân dân trong việc đấu tranh phòng và chống các tội phạm về tình dục (2001), Hà Nội
26. Trung tâm tư vấn và dịch vụ truyền thông – Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2008), Phân tích kết quả kết nối can thiệp các ca trẻ em bị xâm hại tình dục qua hoạt động của đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em, Báo cáo Hà Nội, chú thích 4, tr3
27. Trường Đại học Luật Hà nội (2013), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
28. Đào Trí Úc (1994), Tội phạm học, luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

29. Đào Trí Úc (2000), Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
30. Võ Khánh Vinh (2000), Dự báo tình hình tội phạm, Tội phạm học Việt Nam, Nxb Giáo Dục, Hà Nội
31. Võ Khánh Vinh (2003), Giáo trình tội phạm học, Nxb Công an nhân dân
32. Võ Khánh Vinh (2008), Giáo trình tội phạm học, Trường Đại học Huế, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
33. Võ Khánh Vinh (2011), Giáo trình xã hội học pháp lý, Nxb Công an nhân dân
34. Võ Khánh Vinh (2011), Giáo trình lý luận chung về định tội danh, Nxb Công an nhân dân
35. Viện ngôn ngữ học (2002), Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển Hà nội Đà Nẵng
36. Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Tội phạm học Việt Nam, Hà Nội
37. <http://tuvantamly.com.vn/hau-qua-tu-hanh-vi-xam-hai-tinh-duc-tre-em-2/>